

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang số 1 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 01 năm 2026)

true**friend** **KIS** Viet Nam
Securities Corporation

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 161./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26.../5.../2026)

Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3 và tầng 11, Tòa nhà ROX, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.39148585

Fax: 028.38216899

Website: www.kisvn.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Hoàng Anh Việt - Phòng Giải pháp phái sinh

Số điện thoại: 028.3914.8585 (Ext: 1114)

Email: viet.ha@kisvn.vn

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 05 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 01 năm 2026)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

- Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VRE.
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Vincom Retail.
- Loại chứng quyền: Chứng quyền mua.
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền.
- Thời hạn của chứng quyền: 7 tháng.
- Ngày phát hành dự kiến: Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trước ngày đáo hạn 02 ngày giao dịch.
- Ngày đáo hạn dự kiến: 7 tháng kể từ ngày chào bán.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1.
- Giá thực hiện: Trong biên độ bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành.
- Khoảng giá chào bán dự kiến: 1.000 - 1.100 đồng/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành.
- Tổng số lượng chào bán: 4.000.000 chứng quyền.
- Tổng giá trị chào bán: 4.400.000.000 đồng.
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 2.200.000.000 đồng.

NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHƠI NGHĨA

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3821 8812

Fax: (028) 3914 4714

Website: www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3823 0796

Fax: (028) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn/

MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	3
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	3
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	4
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	5
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	53
VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	67
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	71
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	71
X. CAM KẾT.....	71
XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	72
XII. PHỤ LỤC.....	72

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.

- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.

- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cân trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu

tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.

- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- Rủi ro từ tính đòn bẩy: Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.

- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro về thuế: Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không thực hiện chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn được quy định theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp cụ thể được nêu tại mục 8, phần VI trong Bản cáo bạch này.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự

kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

- Rủi ro kinh tế: Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc trong thời gian qua, phản ánh rõ rệt qua sự phát triển của kinh tế thế giới và sự phát triển kinh tế Việt Nam. Và cũng không thể không kể đến những rủi ro tác động đến nền kinh tế như suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát, biến động tỷ giá, tỷ lệ nợ và bong bóng bất động sản. Những rủi ro có thể tác động đến thị trường chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến thị trường chứng quyền.

- Rủi ro chính trị: là những rủi ro liên quan đến chính trị như chính sách thay đổi như thuế, luật đầu tư có thể gây nên những sự không chắc chắn trong kinh doanh. Sự căng thẳng địa chính trị giữa các nước sẽ gây nên những gián đoạn trong việc giao thương và đầu tư.

- Rủi ro luật pháp: là những rủi ro như luật sở hữu trí tuệ, luật bảo vệ lao động hoặc khả năng thực thi pháp luật. Sự yếu kém trong thực thi pháp luật hoặc luật Sở hữu trí tuệ có thể khiến các công việc kinh doanh thiếu chắc chắn và thiếu sự sáng tạo đổi mới.

- Rủi ro về thuế: Nhà đầu tư cần chú ý đến các quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền có bảo đảm. Trong trường hợp chứng quyền đáo hạn ở trạng thái có lãi và nhà đầu tư giữ chứng quyền đến khi đáo hạn để thực hiện quyền, có thể xảy ra tình huống số tiền thuế phải nộp cao hơn số tiền thanh toán nhận được từ tổ chức phát hành theo Công văn số 1468/BTC-CST. Để giảm thiểu rủi ro này, nhà đầu tư nên xem xét việc bán lại chứng quyền cho tổ chức phát hành trước khi đáo hạn để tránh phải thực hiện quyền.

- Rủi ro khác: Ngoài ra những rủi ro liên quan đến tự nhiên như lũ lụt và bão, rủi ro liên quan đến môi trường như các hoạt động kinh doanh gây ô nhiễm môi trường hay sản lượng CO2 vượt ngưỡng quy định quốc tế đều sẽ ảnh hưởng đến thị trường Chứng khoán Việt Nam.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông: Shin Hyun Jae, chức vụ: Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông: Cho Hun Hee, chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Bà: Trương Thị Kim Dung, chức vụ: Kế toán trưởng.
- Bà: Phan Tuyết Minh, chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **Chứng quyền có bảo đảm** là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.

- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

- **Tổ chức phát hành chứng quyền** là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền mua** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Ngày giao dịch cuối cùng** là ngày giao dịch trước hai (02) ngày so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm và là ngày cuối cùng mà chứng quyền còn được giao dịch. Trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết, ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền trùng với ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.
- **Vị thế mở chứng quyền** của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Trường hợp xảy ra sự kiện doanh nghiệp của cổ phiếu cơ sở trong vòng năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền của sự kiện doanh nghiệp đó sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự kiện doanh nghiệp đó. Giá thanh toán do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán và công bố.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam trong tháng hai và 2 tháng đầu năm 2026.

Theo “Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội tháng hai và 02 tháng đầu năm 2026” của Tổng cục thống kê, tình hình kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như sau:

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 02 năm 2026 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho công tác gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân năm 2026; chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng; công tác an toàn thực phẩm, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ và thị trường được triển khai đồng bộ, bảo đảm nguồn cung thực phẩm phục vụ Nhân dân; hoạt động lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định; công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được duy trì chặt chẽ.

a) Sản xuất cây hàng năm

- Tính đến ngày 20/02/2026, ước tính toàn tỉnh đã gieo cấy được 73.470 ha lúa vụ Đông xuân 2025-2026, giảm 2,37% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do một số diện tích lúa tại một số địa phương ở phía đông chuyển sang mục đích xây dựng công trình giao thông.

- Cây hàng năm khác: Cùng với việc gieo cấy lúa Đông xuân, các địa phương trên toàn tỉnh đã gieo trồng ngô được 4.705 ha, tăng 0,75%; khoai lang 1.380 ha, tăng 2,22%; đậu tương 22 ha, tăng 2,38%; lạc 305 ha, tăng 1,67%; rau các loại 5.230 ha, tăng 2,55%; đậu các loại 1.360 ha, tăng 1,49% so với cùng kỳ năm trước. Bà con nông dân đang khẩn trương chăm sóc và thu hoạch các sản phẩm như: rau, đậu và thực phẩm để cung ứng cho người tiêu dùng.

b) Cây lâu năm

- Hiện nay các địa phương đang tập trung chăm sóc vườn cây như: Tia cánh, tạo tán để vườn thông thoáng, giảm nơi cư trú của rệp sáp; vệ sinh vườn, dọn cỏ dại, bón phân cân đối để cây khỏe mạnh và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng. Diện tích một số cây trồng chính như sau: Cà phê 217.026 ha, cao su 33.782 ha, tiêu 28.804 ha, điều 26.409 ha, sầu riêng 41.828 ha.

- Tình hình sâu bệnh trên cây lâu năm: Thời điểm hiện nay là mùa khô hanh, sâu bệnh tập trung vào các đối tượng chích hút và bệnh nấm do thiếu nước hoặc chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn. Các cơ quan chuyên môn hướng dẫn người dân phòng trừ dịch bệnh, cụ thể dịch bệnh đã xảy ra trên từng loại cây trồng.

c) Công tác chăn nuôi, thú y

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của dân cư trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên Đán. Tỉnh tiếp tục định hướng phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại tập trung, áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Tình hình chăn nuôi trong tháng 02/2026 như sau: Ước số lượng đàn trâu có 24.676 con, giảm 5,54%; đàn bò hiện có 354.906 con, giảm 9,03% (trong đó, đàn bò sữa có 5.009 con, tăng 7,91%); đàn lợn thịt hiện có 1.064.201 con, tăng 2,75%; đàn gia cầm hiện có 20.714 nghìn con, tăng 1,48% (trong đó, đàn gà khoảng 17.497 nghìn con, tăng 2,17%) so với cùng kỳ năm trước.

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh đến nay vẫn ổn định, dịch bệnh chỉ xảy ra rải rác ở một vài nơi, diễn biến bệnh vẫn đang được kiểm soát([3]). Tuy vậy, các ngành, các cấp có liên quan vẫn tích cực chỉ đạo chính quyền địa phương và nhân dân thực hiện tốt công tác giám sát nhằm phát hiện, điều trị và xử lý kịp thời, tránh để dịch bệnh lây lan, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tăng cường công tác phòng chống dịch ở các chốt kiểm dịch đầu mối ra vào tỉnh và công tác kiểm soát giết mổ trên địa bàn tỉnh.

- Công tác kiểm dịch: Trong tháng 02/2026, Chi cục thú y đã kiểm dịch xuất tỉnh được 974.229 con gia súc, gia cầm. Trong đó: Trâu 153 con, bò 548 con, heo 60.418 con, gà 909.510 con, vịt + ngan 3.600 con. Lũy kế kiểm dịch xuất tỉnh 02 tháng đầu năm 2026 là 2.034.149 con.

- Kiểm dịch nhập tỉnh tháng 02/2026 được 1.367.662 con gia súc, gia cầm. Trong đó: Bò 102 con, heo 56.051 con, gà 977.834 con, vịt + ngan 333.675 con; thịt trâu bò 678 kg, thịt gia cầm 31.347 kg, thịt heo 13.708 kg; Gia súc, gia cầm xuất, nhập tỉnh với mục đích chăn nuôi (xuất tỉnh: Heo 20.886 con, gà 834.005 con; nhập tỉnh: Heo 52.399 con, gà 997.834 con, vịt + ngan 333.675 con). Lũy kế kiểm dịch nhập tỉnh 02 tháng đầu năm 2026 là 2.771.398 con.

d) Lâm nghiệp.

- Công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng được các ngành chức năng, các địa phương và các chủ rừng chú trọng thực hiện. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép vẫn còn xảy ra.

- Khai thác lâm sản: Trong tháng 02/2026, sản lượng gỗ toàn tỉnh khai thác ước đạt 33.600 m³ gỗ, tăng 1,60% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm sản lượng gỗ khai thác được 59.251 m³, tăng 1,27%, chủ yếu gỗ nguyên liệu giấy.

- Phát triển rừng: Các công ty lâm nghiệp, các đơn vị đã và đang tiến hành lâm đất, giống để chuẩn bị cho kế hoạch công tác đăng ký trồng rừng năm 2026. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang nghiệm thu kết quả trồng cây phân tán năm 2025 trên địa bàn tỉnh từ nguồn chi trả Dịch vụ môi trường.

- Quản lý bảo vệ rừng: UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng phải thường xuyên tổ chức các Đoàn kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các chủ rừng, đơn vị triển khai công tác PCCCR và tổ chức triển khai công tác phòng chống chặt phá rừng tại các địa phương, đơn vị; đảm bảo công tác trực 24/24 giờ, cảnh báo và xử lý kịp thời tình huống xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép...

- Trong tháng 02/2026, tổng số vụ vi phạm lâm luật là 56 vụ (01 vụ khai thác rừng trái pháp luật, 04 vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng, 12 vụ phá rừng trái pháp luật, 27 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật, 10 vụ tăng trừ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản trái pháp luật, 02 vụ vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản), lâm sản tịch thu 30,288 m³ gỗ các loại, phương tiện tịch thu 06 chiếc các loại, tổng các khoản thu 201,425 triệu đồng, tổng số tiền nộp ngân sách 190,425 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, tổng số vụ vi phạm là 139 vụ, lâm sản tịch thu 41,253 m³ gỗ các loại và 99,648 ster củi các loại, phương tiện tịch thu 23 chiếc các loại, tổng các khoản thu 258,175 triệu đồng, tổng số tiền đã nộp ngân sách 242,175 triệu đồng.

e) Thủy sản.

- Tỉnh đang cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng bền vững và hiện đại; tập trung vào phòng ngừa dịch bệnh và tái tạo nguồn lợi tự nhiên, trọng tâm là quy hoạch lại vùng nuôi trồng gắn với bảo vệ môi trường, chuyển đổi phương thức hoạt động từ khai thác tận diệt sang khai thác và nuôi trồng bền vững.

- Sản lượng thủy sản toàn tỉnh tháng 02/2026 ước đạt 6.569,7 tấn, tăng 2,12% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 ước đạt 11.153,5 tấn, tăng 1,96%. Trong đó:

- Sản lượng thủy sản khai thác biển: tháng 02/2026 ước đạt 6.267 tấn, tăng 2,13% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: Cá các loại 4.820 tấn, tăng 2,27%, (trong đó, Cá ngừ đại dương 370 tấn, tăng 2,21% và chiếm 7,6% trong tổng sản lượng cá các loại khai thác biển); tôm 38 tấn, tăng 2,7%; thủy sản khác 1.409 tấn, tăng 1,66%. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 ước đạt 10.558,5 tấn, tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: Cá các loại 8.600 tấn, tăng 1,9%, tôm 64,5 tấn, tăng 2,38%; thủy sản khác 1.894 tấn, tăng 1,99%.

- Sản lượng thủy sản khai thác nội địa: tháng 02/2026 ước đạt 47,9 tấn, tăng 3,04% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 ước đạt 98,2 tấn, tăng 2,85%.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 02/2026 ước đạt 254,8 tấn, tăng 1,63% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: Cá các loại 151,1 tấn, tăng 0,73%; tôm 103,2 tấn, tăng 3%; thủy sản khác 0,5 tấn, giảm 4%. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 ước đạt 496,8 tấn, tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: Cá các loại 304,1 tấn, tăng 2,38%; tôm 189,5 tấn, tăng 2,72%; thủy sản khác 3,3 tấn, tăng 6,21%.

f) Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM)

- Các ngành và các địa phương tiếp tục tập trung triển khai Chương trình xây dựng NTM; chú trọng nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện chương trình, tập trung hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao.

- Tính đến nay, toàn tỉnh Đắk Lắk (mới) có 26/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, có 04/26 xã đạt nông thôn mới nâng cao, đạt 15,38%; không có xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 764 sản phẩm OCOP (gồm: 02 sản phẩm đạt 5 sao, 01 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 50 sản phẩm đạt 4 sao, 10 sản phẩm tiềm năng 4 sao và 656 sản phẩm đạt 3 sao, 43 sản phẩm hết hạn; 2 sản phẩm bị thu hồi) của 372 chủ thể.

1.2. Sản xuất công nghiệp

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02 và 02 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá. Nhìn chung, các ngành công nghiệp cấp I duy trì xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước, nổi bật trong đó chính là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 13,49% so với cùng kỳ năm trước, giữ vai trò động lực chính của toàn ngành.

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 02/2026 tăng 11,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm 1,08%; chỉ số công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,30%; chỉ số ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 15,48%; chỉ số ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,26%.

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 02 tháng đầu năm 2026 tăng 11,90% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 11,30% là do các doanh nghiệp khai thác đá tăng công suất hoạt động nhằm phục vụ các công trình xây dựng, trong đó sản phẩm đá xây dựng khác đạt 154,5 nghìn m³, tăng 15,70%. Chỉ số công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,49%, chỉ số này tăng ở hầu hết các ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 30,49%, dăm gỗ đạt 26.684 tấn, tăng 34,91%; sản xuất đồ uống tăng 21,12%, bia đóng chai đạt 14,2 triệu lít, tăng 36,50%; sản xuất thiết bị điện tăng 16,76%, cuộn cảm dùng cho bộ nguồn cấp điện đạt 111,8 triệu chiếc, tăng 16,76%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 12,13%, đá lát lẻ đường đạt 72.803m², tăng 32,80%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 10,28%, trong đó cá ngừ đóng hộp đạt 1.004,8 tấn, tăng 18,77%, cà phê bột các loại đạt 9.890,6 tấn, tăng 17,67%, hạt điều khô đạt 19.266,7 tấn, giảm 7,46%; riêng ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 10,54% đã hạn chế mức tăng chung của ngành. Chỉ số ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt trong tăng 8,61% so với cùng kỳ năm trước, điện sản xuất đạt 1.529,9 triệu kWh, tăng 13,06% và điện thương phẩm đạt 604,1 triệu kWh, tăng 8,29%. Chỉ số ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,57%, nước uống được đạt 10.268,7 nghìn m³, tăng 7,36% và dịch vụ thu gom xử lý rác thải đạt 24 tỷ đồng, tăng 7,99%.

- Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp 02 tháng đầu năm 2026 giữ ổn định so với năm trước, song có sự dịch chuyển giữa các khu vực. Xét theo loại hình doanh nghiệp, lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,95%; trong khi khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 14,31%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,74%. Xét theo ngành cấp I, lao động tăng 17,86% ở ngành khai khoáng; tăng 2,34% ở ngành

cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; ngược lại, giảm 0,33% ở ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; giảm 0,50% ở ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí.

- Nhìn chung, sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh đan xen cả yếu tố thuận lợi và khó khăn. Hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp được duy trì ổn định, từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần giữ vững nhịp độ tăng trưởng chung của toàn ngành. Tuy nhiên, khu vực công nghiệp vẫn đối mặt với không ít thách thức; khó khăn về tiếp cận vốn và công nghệ, đặc biệt ở doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế khả năng đổi mới thiết bị, nâng cao năng suất và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; hạ tầng tại một số khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, nhất là các hạng mục giao thông kết nối, logistics và xử lý môi trường, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và thu hút đầu tư; bên cạnh đó, một số nhà máy chế biến nông sản hoạt động chưa hết công suất do phụ thuộc vào tính mùa vụ và nguồn nguyên liệu đầu vào chưa ổn định, chịu tác động của thời tiết và biến động giá cả trong niên vụ trước. Sản xuất công nghiệp của tỉnh vẫn giữ được xu hướng tăng trưởng, song quá trình phát triển còn tiềm ẩn nhiều yếu tố cần tiếp tục được tháo gỡ nhằm nâng cao tính bền vững trong thời gian tới.

1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

- Tỉnh tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nhất là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao tính minh bạch và thuận lợi trong hoạt động kinh doanh; đẩy mạnh các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần ổn định hoạt động doanh nghiệp.

- Trong tháng 02/2026, dự ước có 216 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 2.740 tỷ đồng (tăng 57,66% về doanh nghiệp và gấp 4,7 lần về số vốn so với cùng kỳ năm trước), 26 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 4%); bên cạnh đó, có 52 doanh nghiệp giải thể (gấp 3,5 lần) và 71 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (tăng 61,36%). Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, có 670 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 4.700 tỷ đồng (gấp 2,4 lần về số doanh nghiệp nhưng giảm 58,33% về số vốn so với cùng kỳ năm trước), 260 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 26,83%); trong khi đó, có 135 doanh nghiệp giải thể (gấp 2,9 lần) và 795 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (tăng 4,61%).

- Trong 02 tháng đầu năm 2026, bức tranh doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thể hiện sự đan xen giữa tín hiệu tích cực và yếu tố thách thức. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường có xu hướng tăng, cho thấy động lực khởi sự kinh doanh và khả năng phục hồi của một bộ phận doanh nghiệp đang dần cải thiện. Tuy nhiên, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường thông qua giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động vẫn ở mức đáng chú ý, phản ánh sức chống chịu của khu vực doanh nghiệp còn hạn chế trước những biến động của thị trường. Vì vậy, việc duy trì các giải pháp hỗ trợ thiết thực, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng cường khả năng thích ứng của doanh nghiệp tiếp tục là yêu cầu quan trọng trong thời gian tới.

1.4. Đầu tư

- Do tháng 02/2026 trùng với dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026 nên việc thực hiện các dự án đầu tư còn chậm so với tiến độ cùng kỳ năm trước. Sau kỳ nghỉ tết, Chính phủ và UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt trong việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026.

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tháng 02/2026 ước đạt 740,5 tỷ đồng, tăng 10,74% so với tháng trước, giảm 12,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nguồn vốn cấp tỉnh ước đạt 728,2 tỷ đồng, tăng 11,14% so

với tháng trước và giảm 13,04% so với cùng kỳ năm trước; nguồn vốn cấp xã thực hiện ước đạt 12,3 tỷ đồng, giảm 8,72% so tháng trước và tăng 43,96% so với cùng kỳ năm trước

- Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn ước đạt 1.409,2 tỷ đồng, bằng 13,20% kế hoạch năm, giảm 4,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 1.383,3 tỷ đồng, chiếm 98,16% tổng nguồn vốn, giảm 4,64% so với cùng kỳ chủ yếu là tăng ở nguồn vốn ODA và vốn cân đối ngân sách tỉnh; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã ước đạt 25,9 tỷ đồng, chiếm 1,84% tổng nguồn vốn, tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước.

- Hiện nay các chủ đầu tư, nhà thầu tiếp tục thi công các dự án, công trình chuyển tiếp từ năm trước sang, đồng thời thực hiện một số hạng mục công trình phục vụ Tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026. Trong tháng 02/2026, một số hoạt động thi công các dự án, công trình đã tạm dừng trong thời gian nghỉ Tết để công nhân, kỹ sư về quê sum họp cùng gia đình. Bên cạnh đó, thời gian khởi động lại sau kỳ nghỉ cũng cần thêm vài ngày để ổn định tổ chức và bổ sung vật tư. Vì vậy, khối lượng thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trong tháng 2/2026 còn thấp so với kế hoạch năm, tuy nhiên đây là yếu tố khách quan và đã được tính toán trong phương án điều hành dự án, vì vậy vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 02 tháng đầu năm 2026 giảm 4,52% so với cùng kỳ năm trước.

- Các cơ quan chức năng tiếp tục tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương để thực hiện 01 đề án và 03 dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, với tổng vốn là 371.614 triệu đồng. Tính đến ngày 23/02/2026, tỉnh đã giải ngân 406,94 tỷ đồng, đạt 4,33% kế hoạch. Hoàn thành việc tham mưu cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương để chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện và giải ngân cho 30 dự án, với số vốn là 2.815 tỷ đồng.

- Một số công trình, dự án có tiến độ và giá trị thực hiện lớn tiếp tục được đầu tư như: Dự án thành phần 3 (Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Buôn Ma Thuột – Khánh Hoà) ước đạt 267.280 triệu đồng; Đầu tư xây dựng bệnh viện sản nhi ước đạt 54.600 triệu đồng; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị hạn hán ước đạt 45.860 triệu đồng; Hồ Suối Cái ước đạt 45.860 triệu đồng; Xây dựng Hệ thống chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 ước đạt 42.040 triệu đồng; Đường Đông Tây TP Buôn Ma Thuột (giai đoạn 2) ước đạt 37.980 triệu đồng; Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung Bướu thuộc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên ước đạt 34.685 triệu đồng; Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía Bắc Cầu An Hải ước đạt 29.480 triệu đồng; Dự án chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSAT) ước đạt 28.400 triệu đồng; Kè chống sạt lở bờ tả sông ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn qua thôn Vĩnh Phú ước đạt 21.840 triệu đồng; Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy an - Thành phố tuy hòa (giai đoạn 1) ước đạt 21.840 triệu đồng;...

- Tình hình thu hút đầu tư: Trong tháng, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 01 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.150 tỷ đồng; đồng thời, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 05 dự án. Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 05 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.995,83 tỷ đồng; đồng thời, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với 09 dự án.

1.5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

- Tài chính: Ngay từ đầu năm, tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai nhiều giải pháp trọng tâm điều hành công tác thu ngân sách nhà nước. Chi ngân sách vẫn đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước; đảm bảo an sinh xã hội.

- Thu ngân sách nhà nước: Tính đến hết ngày 28/02/2026, tổng thu NSNN đạt 3.777.398 triệu đồng, đạt 22,07% dự toán TW và đạt 21,33% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6,59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Thu nội địa: ước đạt 2.825.725 triệu đồng, đạt 25,53% dự toán TW dự toán HĐND tỉnh, tăng 18,17%, trong đó thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh đạt 1.511.545 triệu đồng, đạt 31,29% dự toán TW và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 37,88%.
- Thu xổ số kiến thiết: ước đạt 112.318 triệu đồng, đạt 28,08% dự toán TW giao và dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 22,72%.
- Thu tiền sử dụng đất: đạt 818.436 triệu đồng, đạt 14,88% dự toán TW và đạt 13,44% dự toán HĐND, giảm 21,48%. Thu xuất, nhập khẩu đạt 20.919 triệu đồng, đạt 14,13% dự toán TW và dự toán HĐND, tăng 12,37% so với cùng kỳ.
- Chi ngân sách nhà nước: Tính đến hết 28/02/2026, tổng chi ngân sách nhà nước đạt 5.385.605 triệu đồng, đạt 13,47% dự toán TW giao và đạt 13,05% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 37,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó,
- Chi thường xuyên đạt 4.416.244 triệu đồng, đạt 14,68% dự toán TW giao và dự toán HĐND giao, tăng 13,92%. Chi đầu tư phát triển đạt 969.362 triệu đồng, đạt 10,52% dự toán TW giao và đạt 9,26% dự toán HĐND giao, giảm 79,47% so với cùng kỳ năm trước.
- Ngân hàng: Ước tính đến ngày 28/02/2026, nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đạt 171.500 tỷ đồng, tăng 2,5% so với đầu năm; dư nợ cho vay ước đạt 272.000 tỷ đồng, tăng 4,4% so với đầu năm; nợ xấu chiếm tỷ lệ khoảng 0,99% trên tổng dư nợ, duy trì trong ngưỡng an toàn. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Trung ương. Ước tính đến ngày 28/02/2026, dư nợ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh ước đạt 14.955 tỷ đồng, tăng 3,39%, với 330.033 khách hàng còn dư nợ.
- Công tác bảo hiểm: Trong tháng, toàn tỉnh ước có 76 nghìn người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; tính chung 02 tháng đầu năm 2026, có 2.550 nghìn người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, đạt 94% kế hoạch, tăng 2% so cùng kỳ. Tổng số tiền thu được là 1.631,041 tỷ đồng (đạt 19% kế hoạch, tăng 14% so cùng kỳ); tổng số tiền chi là 1.568,836 tỷ đồng (đạt 12% kế hoạch, tăng 9% so cùng kỳ); tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN là 552 tỷ đồng.

1.6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Tình hình thị trường hàng hóa trong dịp Tết

- Nhằm triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân trong dịp cuối năm 2025 và dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ năm 2026, UBND tỉnh đã chỉ đạo các doanh nghiệp, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác dự trữ hàng hóa, nhất là các loại hàng hóa nhu yếu phẩm phục vụ người tiêu dùng trong dịp Tết. Thực hiện việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết đối với mặt hàng thiết yếu.
- Nguồn cung hàng hóa trên địa bàn tỉnh vẫn được đảm bảo dồi dào, không xảy ra tình trạng khan hiếm cục bộ, sốt giá gây biến động thị trường. Đối với các mặt hàng thiết yếu trong diện bình ổn, các doanh nghiệp đã chấp hành tốt cam kết đảm bảo nguồn hàng thiết yếu phục vụ với mức giá ổn định hoặc thấp hơn giá thị trường từ 5 - 10% trong suốt dịp Tết, đồng thời triển khai nhiều chương trình khuyến mại, giảm giá sâu từ 10 - 50% đối với nhiều mặt hàng thiết yếu nhằm kích cầu tiêu dùng.
- Giá cả các mặt hàng tiêu dùng trên thị trường tỉnh ở thời điểm trước Tết diễn biến tương đối ổn định, giá cả có tăng nhẹ so với ngày thường, mức tăng phổ biến khoảng 5 - 7% đối với một số mặt hàng phục vụ Tết.
- Các cơ quan chức năng đã tích cực triển khai kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường trước và trong dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026, nhằm ngăn chặn việc các đối tượng lợi dụng tình hình thị trường sôi động để đưa hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng vào thị trường tiêu thụ và những hành vi gian lận thương mại.

b) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

- Tháng 02/2026 chính là thời điểm trước, trong và sau dịp Tết Nguyên Đán Bình Ngô nên nhu cầu sản xuất hàng hóa và dịch vụ tăng chính là nguyên nhân làm cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong kỳ tăng khá cao (+13,94%), trong đó nổi bật là ngành dịch vụ lưu trú (+58,79%). Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh trước Tết Nguyên Đán rất phong phú, nhộn nhịp, sức mua, bán, trao đổi hàng hóa chuẩn bị đón Tết của người dân ra sôi động và tăng từ 10-15% so với cùng kỳ năm trước. Người dân đi mua sắm tại các chợ lớn và các khu Trung tâm thương mại ngày càng đông, thương mại điện tử ngày càng phát triển và có giá trị lớn góp phần vào sự tăng trưởng của ngành thương mại.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2026 ước đạt gần 12.923,6 tỷ đồng, tăng 0,25% so với tháng trước và tăng 15,79% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 10.045,5 tỷ đồng, tăng 0,50% so với tháng trước và tăng 14,91% so với cùng kỳ năm trước. Một số nhóm hàng có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước như: Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 170,08%; Ô tô các loại tăng 29,52%; Vật phẩm văn hóa giáo dục tăng 17,74%, Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 18,24%... Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.855,8 tỷ đồng, tăng 0,65% so với tháng trước, tăng 20,39% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 7,1 tỷ đồng, tăng 2,18% so với tháng trước và tăng 30,74% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 1.015,1 tỷ đồng, giảm 2,94% so với tháng trước và tăng 16,40% so với cùng kỳ năm trước.

- Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 25.815,5 tỷ đồng, tăng 13,94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 20.040,7 tỷ đồng, tăng 13,68%, chiếm 77,63% tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02 tháng năm 2026. Một số mặt hàng bán lẻ tăng so với cùng kỳ năm trước như: Nhóm hàng đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 227,05%; ô tô các loại tăng 50,32%; phương tiện đi lại tăng 14,88%;... Một số mặt hàng có mức tăng thấp hơn mức tăng chung như: Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chỉ tăng 0,99%; hàng may mặc tăng 2,22%; hàng hóa khác tăng 5,77%;... Các mặt hàng này đã tác động đến tổng mức bán lẻ trong kỳ.

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 3.699,6 tỷ đồng, tăng 20,39%, chiếm 14,33%. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 415,3 tỷ đồng, tăng 19,05%; Dịch vụ ăn uống ước đạt 3.284,3 tỷ đồng, tăng 14,50%.

- Doanh thu dịch vụ lưu trú và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 14,1 tỷ đồng, tăng 58,79%, chiếm 0,05%.

- Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 2.061,0 tỷ đồng, tăng 14,41%, chiếm 7,98%. Phân theo nhóm, ngành hàng thì dịch vụ thì tăng trưởng cao nhất là ngành dịch vụ sửa chữa máy tính và đồ dùng cá nhân tăng 26,53%; dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 24,73%; dịch vụ khác tăng 17,87%... Một số ngành có mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung như: dịch vụ nghệ thuật vui chơi giải trí chỉ tăng 4,79%, dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 12,20% so với cùng kỳ năm trước...

- Hoạt động các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh: Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đã chủ động ban hành kế hoạch tổ chức các loại hình dịch vụ du lịch phục vụ khách đến tham quan, vui xuân dịp Tết; Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, phối hợp với các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh trong công tác đón khách du lịch đến với Đắk Lắk trước, trong và sau dịp Tết Nguyên Đán Bình Ngô năm 2026. Ước tháng 2/2026, các đơn vị lưu trú trên địa bàn tỉnh đã phục vụ 554.131 lượt khách tăng 8,33% so với tháng trước, tăng 24,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: lượt khách ngủ qua đêm là 407.333 lượt khách tăng 9,96% và tăng 28,28%; lượt khách trong ngày là 146.798 lượt, tăng 4,06% và tăng 15,81%. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, các đơn vị lưu trú trên địa bàn tỉnh đã phục vụ 1.065.654 lượt khách, tăng 18,04% so với cùng kỳ

năm trước. Trong đó: lượt khách ngủ qua đêm là 777.786 lượt khách tăng 18,25%; lượt khách trong ngày là 287.868 lượt, tăng 17,47%.

- Đối với dịch vụ lữ hành: Số lượt khách phục vụ theo tour tháng 2/2026 là 1.746 lượt, tăng 16,32% so với tháng trước và tăng 99,32% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026 là 3.247 lượt, tăng 161,01% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đi trong nước là 3.247 lượt, tăng 220,53%.

1.7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

- Các doanh nghiệp tập trung thực hiện các đơn hàng đã ký kết phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Trong tháng 02/2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 305 triệu USD, tăng 1,33% so với tháng trước, tăng 9,0% cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 606 triệu USD, tăng 10,70% so với cùng kỳ năm trước, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 276 triệu USD, tăng 23,84% so với cùng kỳ năm trước.

- Xuất khẩu hàng hóa: Kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2026 của tỉnh ước đạt 218 triệu USD, giảm 2,24% so với tháng trước, tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, đạt 441 triệu USD, tăng 14,50% so với cùng kỳ. Trong đó: Sản lượng cà phê đạt 31.000 tấn, giảm 13,41%; hồ tiêu đạt 6.000 tấn, tăng 29,73%, điều 7.300 tấn, tăng 15,21%; cao su 1.050 tấn, giảm 44,21%; hàng rau quả 98 triệu USD, tăng 145,77%, hải sản 22,5 triệu USD, lĩnh kiện điện tử 4 triệu USD... Các doanh nghiệp tập trung thực hiện các đơn hàng đã ký kết. Hoạt động xuất khẩu vẫn đang trên đà tăng trưởng; bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm nhẹ do bắt đầu vào niên vụ mới nên nguồn cung dự trữ chuyển qua không còn nhiều.

- Nhập khẩu hàng hóa:

- Kim ngạch nhập khẩu tháng 02/2026 ước đạt 87 triệu USD, tăng 11,54%, tăng 20,63% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026 đạt 165 triệu USD, tăng 1,67% so với cùng kỳ. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, cà phê hạt, phân bón, hàng rau quả, hạt điều và các mặt hàng khác để phục vụ kinh doanh, sản xuất.

1.8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

- Trong dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ năm 2026, giá cả thị trường không có biến động lớn, các mặt hàng không xảy ra tình trạng khan hiếm, thiếu hàng, sốt giá gây bất ổn thị trường. Người dân không còn tâm lý mua tích trữ nhiều hàng hóa trong dịp Tết và tiêu dùng tiết kiệm hơn. Những mặt hàng thiết yếu tiêu thụ trong dịp Tết Nguyên Đán được các doanh nghiệp và nhà sản xuất, kinh doanh chuẩn bị khá đầy đủ để phục vụ cho nhân dân mua sắm. Hàng hóa bán trên thị trường cơ bản được niêm yết giá và bán theo giá niêm yết. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình mưa lũ, thiên tai xảy ra nghiêm trọng trong năm 2025, đặc biệt tại khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk, đời sống và thu nhập của một số khu vực dân cư bị ảnh hưởng, dẫn đến sức mua tại khu vực này giảm so với cùng kỳ năm trước. Khu vực phía Tây tỉnh Đắk Lắk, nhờ giá các mặt hàng nông sản chủ lực như cà phê, hồ tiêu, sầu riêng... duy trì ở mức cao, thu nhập của người dân ổn định nên sức mua đến thời điểm hiện tại có xu hướng tăng. Chính điều này đã tác động không nhỏ đến chỉ số giá tiêu dùng tháng 2/2026.

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2/2026 có xu hướng tăng 0,82% so với tháng 01/2026; tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; so với tháng 12 năm trước tăng 0,64%. Chỉ số giá bình quân 02 tháng năm 2026 tăng 3,52%.

- Trong tháng 02/2026, so với tháng trước có 09/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó tăng mạnh nhất là nhóm giao thông tăng 1,42% (làm cho CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá xăng tăng 1,98%, dầu diesel tăng 6,33% theo giá thế giới; giá vé xe và các dịch vụ tăng mạnh do có phụ thu ngày Tết([8]). Tiếp đến là nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,27% (CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm) là do nhu cầu dịp Tết tăng cụ thể: Giá bia các loại tăng 1,66%; giá nước khoáng

và nước có gas cũng tăng 1,04%; thuốc hút tăng 1,17%; giá rượu các loại tăng 0,44%...(9)]. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,09% (CPI chung tăng 0,36 điểm phần trăm), trong đó cả 3/3 mặt hàng chính đều tăng: Lương thực tăng 0,39%([10]), thực phẩm tăng 0,73% đặc biệt là nhóm thịt các loại, rau, củ, quả tăng do cung lớn hơn cầu([11]); ăn uống ngoài gia đình tăng 2,27% do có phụ thu phí ngày Tết. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,97% do nhu cầu mua sắm chuẩn bị Tết tăng([12]). Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,82% do chủ yếu Giá nhà ở thuê và nhà ở thuộc sở hữu tính quy đổi tăng 1,73%, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,15%..., bên cạnh đó một số mặt hàng trong nhóm này giảm như: giá gas giảm 2,83%, giá nước sinh hoạt giảm 0,06%... Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,43% là do hàng hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 1,83%; dịch vụ giải trí tăng 0,17% do giá vé xem phim, ca nhạc tăng 6,07%...Nhóm Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,40% chủ yếu do máy điều hoà nhiệt độ tăng 3,40%; đồ điện tăng 1,39%; giường, tủ, bàn ghế tăng 1,01%...Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,35%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04% do giá một số loại thuốc tăng nhẹ.

- Ở chiều ngược lại có 01 nhóm hàng giảm giá đó là nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,12% chủ yếu ở các mặt hàng thiết bị điện tử như điện thoại, ti vi để kích cầu tiêu dùng. Có 01 nhóm hàng ổn định đó là nhóm giáo dục, không có sự biến động so với tháng trước.

- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 02 tháng năm 2026 tăng 3,52%. Có 09/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó: tăng mạnh nhất là nhóm nhà ở, điện, nước chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 11,59%; tiếp đến là nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,26% do nhu cầu tăng mạnh trong dịp lễ, Tết. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 3,09%. Nhóm giáo dục tăng 3,59% (trong đó dịch vụ giáo dục tăng 3,90%). Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,97%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,67% là do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng mạnh trong dịp lễ, Tết, chi phí đầu vào tiếp tục tăng, một số dịch vụ điều hành giá của nhà nước tăng, các mặt hàng trang sức như dây chuyền vàng, nhẫn vàng trên thị trường có xu hướng tăng cao. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,86% (trong đó: Thực phẩm tăng 4,33%, ăn uống ngoài gia đình tăng 5,28%). Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,84%. Nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,74% (dịch vụ y tế tăng 0,67%) là do giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tăng.

- Ở một diễn biến khác, toàn tỉnh có 02/11 nhóm hàng giảm, trong đó giảm mạnh nhất là nhóm giao thông giảm 1,76%, tiếp đó là nhóm thông tin truyền thông giảm 0,8% đã tác động tích cực đến chỉ số giá bình quân 02 tháng năm 2026.

- Chỉ số giá vàng tháng 02/2026 tăng 12,25% so với tháng trước, bình quân 02 tháng so với cùng kỳ năm trước tăng 86,0% là do giá vàng tăng theo giá thế giới và sức mua tăng song chỉ là nhất thời trong ngắn hạn do ảnh hưởng của ngày vía Thần tài (10 tháng giêng âm lịch).

- Chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,85% so với tháng trước, bình quân 02 tháng so với cùng kỳ năm trước tăng 2,96%. Sức mua của mặt hàng này ở mức bình thường.

1.9. Hoạt động vận tải

- Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh trước và sau Tết Nguyên Đán diễn ra an toàn và thông suốt. Doanh thu vận tải và khối lượng luân chuyển, vận chuyển hành khách và hàng hóa tiếp tục tăng so với cùng kỳ do nhu cầu di chuyển, đi lại, sản xuất của người dân tăng cao trong dịp Tết Nguyên Đán.

- Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tháng 02/2026 ước đạt 871,9 tỷ đồng, tăng 2,20% so với tháng trước, tăng 12,39% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 239,8 tỷ đồng, tăng 3,39% và tăng 12,26%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 534,9 tỷ đồng, tăng 1,35% và tăng 12,38%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 51,6 tỷ đồng tăng 2,93% và tăng 10,38%; dịch vụ bưu chính chuyển phát đạt 45,6 tỷ đồng, tăng 5,39% so tháng trước và tăng 15,61% so với cùng kỳ năm trước.

- Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát ước đạt 1.725,1 tỷ đồng, tăng 11,92% so cùng kỳ năm 2025. Trong đó, doanh thu của vận tải hành khách đạt 471,7 tỷ đồng, tăng 13,12%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 1.062,7 tỷ đồng, tăng 11,34%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 101,7 tỷ đồng, tăng 9,94%; dịch vụ bưu chính chuyển phát đạt gần 89 tỷ đồng, tăng 14,92% so với cùng kỳ năm trước.

- Vận chuyển và luân chuyển hành khách trong tháng 02/2026 ước đạt 2.209 nghìn lượt khách và 292 triệu lượt khách.km, so với tháng trước tăng 3,28% về khối lượng vận chuyển, luân chuyển tăng 3,77%; so với cùng kỳ năm trước tăng 12,66% về khối lượng vận chuyển, luân chuyển tăng 8,85%.

- Vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.468 nghìn tấn và 462 triệu tấn.km, so với tháng trước tăng 2,01% về khối lượng vận chuyển và tăng 4,41% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 10,99% về khối lượng vận chuyển và tăng 11,95% về khối lượng luân chuyển.

- Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, vận chuyển và luân chuyển hành khách đạt 4.347 nghìn lượt hành khách và 573 triệu lượt hành khách.km, so với cùng kỳ năm trước tăng 13,82% về khối lượng vận chuyển và tăng 11,31% về khối lượng luân chuyển. Tương tự, vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 2.908 nghìn tấn và 904 triệu tấn.km, so với cùng kỳ năm trước tăng 10,71% về khối lượng vận chuyển và tăng 9,82% về khối lượng luân chuyển.

1.10. Khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được triển khai đúng kế hoạch, bảo đảm quy trình, thủ tục theo quy định. Tiếp tục phối hợp thực hiện 01 nhiệm vụ cấp quốc gia; hướng dẫn, quản lý 22 đề tài, nhiệm vụ cấp tỉnh được chuyển tiếp sang năm 2026. Tổ chức họp Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu 03 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, kết quả 03/03 nhiệm vụ được xếp loại Đạt; đồng thời công nhận kết quả 01 nhiệm vụ theo quy định. Công tác chuyển đổi số được quan tâm, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện quét an toàn thông tin và dán tem kiểm định an toàn thông tin theo quy định của Ủy ban bầu cử cho các máy tính phục vụ triển khai hệ thống phần mềm Quản lý thông tin bầu cử trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm an toàn, thông suốt đến Ủy ban bầu cử các cấp.

2. Tổng quan thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2025 cùng các cơ hội đầu tư nổi bật.

2.1. Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong năm 2025

- Năm 2025, thị trường Chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng bước vào giai đoạn phục hồi và tăng trưởng ổn định hơn so với năm 2024, trong bối cảnh các yếu tố bất định toàn cầu dần hạ nhiệt và chính sách vĩ mô trong nước tiếp tục theo hướng hỗ trợ tăng trưởng. VN-Index dự báo có xu hướng tăng trưởng tích cực nhưng phân hóa, phản ánh rõ hơn chất lượng lợi nhuận và năng lực tài chính của doanh nghiệp niêm yết, thay vì tăng trưởng diện rộng.

- Diễn biến thị trường trong năm 2025 được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, với mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,5–7,5%, lạm phát được kiểm soát quanh mức mục tiêu và chính sách tiền tệ linh hoạt. Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng tiếp tục cải thiện nhờ sự phục hồi của tiêu dùng nội địa, xuất khẩu và đầu tư công, đặc biệt tại các nhóm ngành sản xuất, hạ tầng và dịch vụ tài chính.

- Hoạt động của thị trường chịu ảnh hưởng từ các yếu tố như tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP), chính sách tiền tệ và tài khóa, diễn biến lạm phát, tỷ giá, cũng như các biến động của thị trường tài chính quốc tế. Trong năm 2025, Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách kinh tế vĩ mô theo hướng kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng, qua đó tạo điều kiện cho hoạt động của thị trường chứng khoán.

- Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trong năm 2025 phụ thuộc vào mức độ phục hồi của tiêu dùng trong nước, hoạt động xuất khẩu, tiến độ giải ngân đầu tư công và khả năng kiểm soát chi phí đầu vào. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp giữa các ngành và từng doanh nghiệp có thể có sự khác biệt đáng kể.

- Dòng vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán, bao gồm dòng vốn trong nước và nước ngoài, chịu ảnh hưởng bởi diễn biến lãi suất, tỷ giá, mức độ hấp dẫn tương đối của thị trường Việt Nam so với các thị trường khác trong khu vực và trên thế giới, cũng như các yếu tố rủi ro địa chính trị và tài chính toàn cầu.

- Thanh khoản thị trường, quy mô và cơ cấu giao dịch trên các thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh tiếp tục phụ thuộc vào diễn biến tâm lý nhà đầu tư, mức độ ổn định của thị trường tài chính và các thay đổi trong khuôn khổ pháp lý, cơ chế vận hành thị trường.

2.2. Cơ hội đầu tư trong năm 2026

- Bước sang năm 2026, thị trường Chứng khoán Việt Nam tiếp tục chịu tác động từ các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế. Các yếu tố như định hướng phát triển kinh tế – xã hội, chính sách thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập quốc tế là những nhân tố ảnh hưởng đến môi trường đầu tư nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

- Việt Nam duy trì định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các lĩnh vực sản xuất, công nghiệp chế biến – chế tạo, hạ tầng, công nghệ và năng lượng. Hoạt động của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực này có thể tác động đến cung – cầu hàng hóa, dịch vụ và nhu cầu huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán.

- Chính sách tiền tệ trong nước và quốc tế, bao gồm diễn biến lãi suất, tỷ giá và điều kiện thanh khoản, là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn của doanh nghiệp và quyết định phân bổ tài sản của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, các yếu tố rủi ro như biến động kinh tế toàn cầu, thay đổi chính sách của các nền kinh tế lớn và các sự kiện bất khả kháng có thể ảnh hưởng đến dòng vốn và tâm lý thị trường.

- Về cấu trúc thị trường, việc phát triển các sản phẩm tài chính mới, mở rộng quy mô thị trường, cải thiện chất lượng hàng hóa niêm yết và nâng cao tính minh bạch được xem là các yếu tố tác động đến khả năng thu hút nhà đầu tư trung và dài hạn. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách và cải cách thị trường phụ thuộc vào lộ trình và điều kiện thực tế tại từng thời điểm.

- Mặt bằng định giá của thị trường Chứng khoán Việt Nam có thể chịu biến động theo diễn biến lợi nhuận doanh nghiệp, lãi suất và dòng vốn đầu tư. Nhà đầu tư cần xem xét đầy đủ các yếu tố rủi ro thị trường, rủi ro ngành và rủi ro doanh nghiệp khi đưa ra quyết định đầu tư.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm do các công ty Chứng khoán phát hành và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Sản phẩm này nổi bật với một số ưu điểm như chi phí đầu tư thấp, giới hạn mức lỗ và giao dịch tương tự cổ phiếu (về thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, và các loại lệnh áp dụng).

Biến động của chứng quyền phụ thuộc vào các tham số đầu vào như giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở, giá thực hiện, tỷ lệ thực hiện, thời gian đáo hạn và lãi suất phi rủi ro. Vòng đời của chứng quyền (từ 3 tháng tới 24 tháng), sự thay đổi của giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở khiến mức đòn bẩy của chứng quyền cũng thay đổi theo, tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của sản phẩm này.

Nhà đầu tư có thể chọn mua chứng quyền tại thời điểm phát hành sơ cấp (IPO) hoặc mua trực tiếp trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE. Sau khi đã sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có thể lựa chọn bán lại trên sàn giao dịch thứ cấp hoặc giữ đến khi đáo hạn để thực hiện quyền.

Chứng quyền có bảo đảm được phát hành và tạo lập thị trường bởi các tổ chức phát hành uy tín từ đó đảm bảo thanh khoản cho nhà đầu tư. Lợi tức kỳ vọng trên vốn đầu tư của chứng quyền có bảo đảm được hiện thực hóa thông qua việc thực hiện quyền khi đến thời gian đáo hạn.

Tuy nhiên, chứng quyền có bảo đảm cũng mang theo những yếu tố rủi ro đặc thù và người tham gia có thể phải chịu các loại chi phí liên quan. Nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc lợi ích và rủi ro trước khi quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

a) Tóm tắt thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.
- Tên viết tắt: KIS.
- Vốn điều lệ: 4.549.693.040.000 đồng.
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 01 năm 2026.
- Trụ sở chính: Tầng 3 và tầng 11, Tòa nhà ROX, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 3914 8585. Fax: (84-28) 3821 6898.

b) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập ngày 05/07/2007 theo Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/07/2007 với vốn điều lệ là 135 tỷ đồng. Kể từ ngày 14/06/2021, Công ty có vốn điều lệ là 3.761.579.550.000 đồng. Công ty được đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ Ban Giám đốc và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

- Ngày 05/07/2007: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được thành lập theo Quyết định số 56/UBCK-GPHĐKD với vốn điều lệ là 135 tỷ đồng.

- Ngày 17/07/2007: Công ty chính thức được trở thành thành viên của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK.

- Ngày 17/08/2007: Công ty chính thức được trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM theo Quyết định số 57/QĐ-SGDHCM.

- Ngày 28/08/2007: Công ty chính thức được trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (tên cũ: Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN.

- Ngày 13/06/2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền là Công ty Đại chúng, theo Công văn số 1142/UBCK-QLPH ngày 13/06/2008 của UBCKNN.

- Ngày 20/06/2008: Công ty thành lập và khai trương Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 438/QĐ-UBCK.

- Ngày 20/06/2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền – chi nhánh Hà Nội được đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo Quyết định số 439/ QĐ-UBCK.

- Ngày 10/07/2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền - Chi nhánh Hà Nội được chính thức trở thành thành viên của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) theo Giấy chứng nhận số 34/GCNTVLK-CN.
- Ngày 03/10/2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận thay đổi địa điểm trụ sở chính theo Quyết định số 610/QĐ-UBCK.
- Ngày 07/04/2009: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận thay đổi địa điểm chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 217/QĐ-UBCK.
- Ngày 17/09/2009: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Trần Dương Ngọc Thảo theo Giấy phép số 262/UBCK-GP.
- Ngày 18/08/2010: Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 263,646 tỷ đồng theo Quyết định số 662/QĐ-UBCK và đợt phát hành tăng vốn hoàn tất vào ngày 17/12/2010 theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.
- Ngày 30/11/2010: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo Quyết định số 994/QĐ-UBCK.
- Ngày 17/12/2010: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền tăng vốn lên 263,646 tỷ theo giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK.
- Ngày 27/12/2010: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền được cấp giấy phép điều chỉnh người đại diện theo pháp luật là Oh Kyung Hee theo Giấy phép điều chỉnh số 379/GPĐC-UBCK.
- Ngày 07/01/2011: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền điều chỉnh Quyết định thành lập chi nhánh Hà Nội, người đứng đầu chi nhánh là Oh Kyung Hee theo Quyết định số 15/QĐ-UBCK.
- Ngày 21/03/2011: Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK.
- Ngày 24/03/2011: Công ty đổi tên Chi nhánh Hà Nội từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền – Chi nhánh Hà Nội thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 265/QĐ-UBCK.
- Ngày 29/03/2011: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký sửa đổi theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-1.
- Ngày 08/07/2011: Công ty được thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK.
- Ngày 12/07/2011: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký (sửa đổi) theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-2.
- Ngày 11/08/2011: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký về việc thay đổi thông tin Chi nhánh hoạt động lưu ký, theo Giấy chứng nhận số 54/GCNTVLK-2.
- Ngày 29/02/2012: Chi nhánh Hà Nội của Công ty được thay đổi địa chỉ trụ sở theo Quyết định số 193/QĐ-UBCK.

- Ngày 06/03/2012: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký về tên chi nhánh Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCNTVLK-CN-3.
- Ngày 15/04/2013: Công ty nhận được Công văn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) về việc cấp lại Giấy chứng nhận thành viên theo Công văn số 2770/VSD-LK.
- Ngày 15/04/2013: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 60/GCNTVLK.
- Ngày 27/12/2013: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên theo Quyết định số 915/QĐ-UBCK.
- Ngày 09/01/2015: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.112.766.000.000 đồng.
- Ngày 14/01/2015: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-3.
- Ngày 22/04/2015: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 20/GPĐC-UBCK, bổ sung nghiệp vụ kinh doanh Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Ngày 01/06/2015: Công ty được thành lập và khai trương Phòng giao dịch Bà Triệu thuộc Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ-UBCK.
- Ngày 08/07/2015: Công ty được thành lập và khai trương Phòng giao dịch Nguyễn Tri Phương thuộc Hội sở theo Quyết định số 577/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/07/2016: Công ty được thành lập và khai trương Phòng giao dịch Láng Hạ thuộc Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 671/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/09/2016: Công ty được thành lập và khai trương Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch thuộc Hội sở theo Quyết định số 935/QĐ-UBCK.
- Ngày 30/12/2016: Công ty được chấp nhận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến theo Quyết định số 1456/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/02/2017: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng từ ngày 03/01/2017 theo Công văn số 620/UBCK-QLKD.
- Ngày 09/08/2017: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GPĐC-UBCK, thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Park Won Sang.
- Ngày 07/09/2017: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh quyết định thành lập chi nhánh Hà Nội số 4 38/QĐ-UBCK, thay đổi Giám đốc chi nhánh là ông Park Won Sang.
- Ngày 12/10/2017: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-4.

- Ngày 16/03/2018: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh về hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh theo Giấy chứng nhận 15/GCN-UBCK.
- Ngày 16/03/2018: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo Giấy chứng nhận 16/GCN-UBCK.
- Ngày 05/04/2018: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho tài khoản tự doanh từ ngày 05/04/2018 theo Giấy chứng nhận số 2012/2018/GCNMS-VSD.
- Ngày 14/05/2018: Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh theo Quyết định số 251/QĐ-SGDHN.
- Ngày 07/06/2018: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận Thành viên Bù trừ theo Giấy chứng nhận số 08/GCNTVBT.
- Ngày 11/06/2018: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty số 42/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 1.897.011.000.000 đồng.
- Ngày 29/06/2018: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thay đổi thông tin thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-5.
- Ngày 02/07/2018: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh về hoạt động tự doanh chứng khoán phái sinh theo Giấy chứng nhận 21/GCN-UBCK.
- Ngày 03/09/2019: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi tên phòng Giao dịch Nguyễn Tri Phương thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam – Phòng giao dịch Sài Gòn theo Quyết định số 674/QĐ-UBCK.
- Ngày 30/06/2020: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 35/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 2.596.316.050.000 đồng.
- Ngày 07/07/2020: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thay đổi thông tin thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-6.
- Ngày 08/07/2020: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ (sửa đổi) theo Giấy chứng nhận số 08/GCNTVBT-2.
- Ngày 24/03/2021: Công ty đổi địa điểm Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 152/QĐ-UBCK.
- Ngày 24/03/2021: Công ty đổi địa điểm Phòng Giao dịch Láng Hạ thuộc Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 153/QĐ-UBCK.
- Ngày 06/05/2021: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký sửa đổi về thay đổi thông tin chi nhánh hoạt động lưu ký theo Giấy chứng nhận số 54/GCNTVLK-CB-4.

- Ngày 28/05/2021: Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng theo Giấy chứng nhận số 20/GCN-UBCK.
- Ngày 14/06/2021: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 42/GPĐC-UBCK, tăng vốn điều lệ lên 3.761.579.550.000 đồng.
- Ngày 24/06/2021: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thay đổi thông tin thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số 60/GCNTVLK-7.
- Ngày 25/06/2021: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ (sửa đổi) theo Giấy chứng nhận số 08/GCNTVBT-3.
- Ngày 26/04/2022: Công ty được sửa đổi địa chỉ của Phòng Giao dịch Sài Gòn theo Quyết định số 225/QĐ-UBCK.
- Ngày 13/05/2022: Công ty được cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo Quyết định số 284/QĐ-UBCK.
- Ngày 21/09/2022: Công ty đổi địa điểm Phòng Giao dịch Bà Triệu thuộc Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 708/QĐ-UBCK.
- Ngày 21/09/2022: Công ty đổi địa điểm Phòng Giao dịch Sài Gòn thuộc Hội sở theo Quyết định số 709/QĐ-UBCK.
- Ngày 10/11/2022: Công ty điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK.
- Ngày 16/11/2022: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 60/GCNTVLK-8 (Đăng ký thành viên lưu ký lần đầu ngày 18/07/2007; Đăng ký thay đổi thông tin thành viên lưu ký lần thứ tám ngày 16/11/2022).
- Ngày 16/11/2022: Công ty nhận được Công văn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) về việc thay đổi thông tin của nhà đầu tư theo Công văn số 12010/VSD-LK.NV.
- Ngày 18/11/2022: Công ty được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (sửa đổi) số 08/GCNTVBT-4 (Đăng ký thành viên bù trừ lần đầu ngày 07/06/2018; Đăng ký thay đổi thông tin thành viên bù trừ lần thứ tư ngày 18/11/2022).
- Ngày 01/12/2022: Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0305066125; Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 07 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 15: ngày 01 tháng 12 năm 2022).
- Ngày 07/07/2023: Công ty được thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh thuộc Hội sở theo Quyết định 563/QĐ-UBCK.
- Ngày 04/08/2023: Công ty nhận được Công văn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) về việc chấp nhận nguyên tắc việc tham gia hệ thống thanh toán trái phiếu riêng lẻ theo Công văn số 7972/VSD-TTBT.NV.
- Ngày 22/08/2023: Công ty nhận được Công văn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận tham gia hệ thống trái phiếu riêng lẻ theo Công văn số 9747/VSDC-TTBT.NV.

- Ngày 26/02/2025: Công ty nhận được Quyết định số 167/QĐ-UBCK về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán – chi nhánh Hà Nội.
- Ngày 27/02/2025: Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/GPĐC-UBCK.
- Ngày 04/03/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 60/GCNTVLK-9 về đăng ký thành viên lưu ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi thông tin Thành viên lần thứ chín ngày 04/03/2025.
- Ngày 06/03/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (sửa đổi) số 08/GCNTVBTPS-5 về đăng ký thành viên bù trừ lần đầu ngày 07/06/2018, đăng ký thay đổi thông tin thành viên bù trừ lần thứ năm ngày 06/03/2025.
- Ngày 27/03/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 05/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/03/2025.
- Ngày 04/04/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/04/2025.
- Ngày 04/04/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 04/04/2025.
- Ngày 22/04/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 06/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/04/2025.
- Ngày 04/08/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu số 306-04007/2025/ĐKMCD ngày 04/08/2025.
- Ngày 04/08/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu số 306-04008/2025/ĐKMCD ngày 04/08/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 104/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán số 742/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán số 743/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán số 744/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán số 745/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán số 746/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 03/10/2025: Công ty nhận được Quyết định về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán số 747/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2025.
- Ngày 13/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 60/GCNTCLK-10, đăng ký Thành viên lưu ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi thông tin Thành viên lưu ký lần thứ mười ngày 13/10/2025.
- Ngày 14/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (sửa đổi) số 08/GCNTCBTPS -6, đăng ký thành viên bù trừ lần đầu ngày 07/06/2018, Đăng ký thay đổi thông tin thành viên bù trừ lần thứ sáu ngày 14/10/2025.

- Ngày 16/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu, ngày 17/07/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/10/2025.
- Ngày 16/10/2025: Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh số 903671/25 của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh Phòng đăng ký kinh doanh.
- Ngày 16/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký lần đầu 01/06/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 16/10/2025.
- Ngày 18/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, đăng ký lần đầu, ngày 20/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/10/2025.
- Ngày 21/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 06/07/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 21/10/2025.
- Ngày 21/10/2025: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký lần đầu: ngày 05/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ :17, ngày 21/10/2025.
- Ngày 21/10/2025: Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 920511/25 của Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh Phòng đăng ký kinh doanh.
- Ngày 13/01/2026: Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2026.
- Ngày 19/01/2026: Công ty nhận được Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 60/GCNTVLK-11, đăng ký Thành viên lưu ký lần đầu tiên ngày 18/07/2007; Đăng ký thay đổi thông tin Thành viên lưu ký lần thứ mười một ngày 19/01/2026.
- Ngày 21/01/2026: Công ty nhận được Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh (sửa đổi) số 08/GCNTCBTPS-07 ngày 21/01/2026; Đăng ký thành viên bù trừ lần đầu ngày 07/06/2018; Đăng ký thay đổi thông tin thành viên bù trừ lần thứ bảy ngày 21/01/2026.
- Ngày 28/01/2026: Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký lần đầu: ngày 05/07/2007; đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 28/01/2026.

c) Cơ cấu tổ chức & cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

- Mô hình quản trị: Công ty chứng khoán KIS Việt Nam có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối chức năng, Kế toán trưởng.
- Thẩm quyền cao nhất công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2022-2026 gồm: 3 thành viên do ông Park Won Sang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc đến ngày 31/12/2024; ông Shin Hyun Jae là Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 04/4/2025 đến nay. Số lượng thành viên không điều hành là 01 người, số lượng thành viên điều hành là 02 người.
- Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, gồm 1 Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty

thông qua các Giám đốc phụ trách Khối, Giám đốc Chi nhánh, các Trưởng phòng, Trưởng bộ phận.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



d) Công ty mẹ của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Ngành nghề kinh doanh/ hoạt động	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	27-1 Yeouido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea.	Đầu tư tài chính, chứng khoán	454.224.655	99,8363%

e) Danh sách người có liên quan của Công ty

- Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Shin Hyun Jae	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Cho Hun Hee	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Choi Eun Suk	Korea Investment & Securities Co., Ltd.	Thành viên HĐQT	0	0%
Ban điều hành					
1	Shin Hyun Jae	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Tổng giám đốc	0	0%
2	Cho Hun Hee	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Giám đốc khối Hoạt động	0	0%
3	Trương Thị Kim Dung	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Kế toán trưởng	0	0%

- Danh sách Ban kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Hoa	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Cẩm Thanh	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Lương Ngọc Hiền	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
4	Trần Thị Kim Tiền	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

- Danh sách Cổ đông nắm giữ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên lạc	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Korea Investment & Securities Co., Ltd.	27-1 Yeouido-dong, Yeong Deungpo-gu, Seoul, Republic of Korea	454.224.655	99,8363%

- Danh sách Người thực hiện công bố thông tin

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Shin Hyun Jae	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Tổng giám đốc	0	0%

f) Thông tin về Ban điều hành của Công ty

Vị trí	Họ tên	Tóm tắt lý lịch
Tổng Giám đốc	Shin Hyun Jae	• Ngày sinh: 01/03/1970. • Quốc tịch: Hàn Quốc. • Trình độ học vấn: Thạc sĩ. • Chứng chỉ hành nghề: Phân tích tài chính số 002962/PTTC cấp ngày 24/01/2025. • Quá trình công tác: - 12/1999 - 08/2003: Phó phòng cấp cao của chi nhánh Busan tại Korea Investment & Securities. - 09/2003 - 02/2005: Trợ lý Giám đốc của Phòng Phát triển doanh nghiệp tại Korea Investment & Securities. - 06/2005 - 01/2006: Giám đốc phòng IB (M&A) tại Korea Investment & Securities. - 08/2007 - 09/2011: Giám đốc phòng Phát triển doanh nghiệp mới tại Korea Investment & Securities. - 03/2013 - 12/2018: Trưởng phòng cấp cao phòng Phòng kinh doanh đầu tư toàn cầu tại Korea Investment & Securities. - 2019 - 31/12/2023: Trưởng bộ phận Bộ phận giải pháp đầu tư tại Korea Investment & Securities. - 1/1/2024 - 04/02/2025: Giám đốc Phòng Kế hoạch tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam. - 05/02/2025 - Hiện tại: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.
Giám đốc Khối Hoạt động	Cho Hun Hee	• Ngày sinh: 08/08/1975 • Quốc tịch: Hàn Quốc • Trình độ học vấn: Đại học • Quá trình công tác: - 02/2002 - 12/2004: Môi giới - Khối Khách hàng Cá nhân - Korea Investment & Securities Co., Ltd. - 01/2005 - 12/2014: Trưởng phòng - Phòng Chiến lược Quản lý Tài sản - Korea Investment & Securities Co., Ltd. - 01/2015 - 12/2016: Trưởng phòng - Phòng Kiểm toán - Korea Investment & Securities Co., Ltd.

		- 01/2017 – 12/2022: Phó Giám đốc Cấp cao – Phòng Hoạch định Chiến lược Toàn cầu – Korea Investment & Securities Co., Ltd. - 01/2023 – 12/2025: Giám đốc – Bộ phận Hỗ trợ Quản lý Đạo đức kinh doanh – Korea Investment Holdings Co., Ltd. - 01/2026 – nay: Giám đốc cấp cao khối hoạt động – Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam
Kế toán trưởng	Trương Thị Kim Dung	▪ Ngày sinh: 20/10/1969. ▪ Quốc tịch: Việt Nam. ▪ Trình độ học vấn: Đại học. ▪ Chứng chỉ hành nghề: Môi giới chứng khoán số 002034/MGCK cấp ngày 28/12/2011. ▪ Quá trình công tác: - 1992 - 1994: Công tác tại Cục thuế Hàm Tân - Bình Thuận. - 1994 - 2007: Kế toán trưởng tại Công ty Tungshin & Tungkuang Co., LTD. - 11/2007 - 06/2008: Kế toán trưởng CN Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect. - 07/2008 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

g) Nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

STT	Họ tên	Phòng ban	Chức vụ	Số năm kinh nghiệm	Chứng chỉ hành nghề
1	Hoàng Anh Việt	Chứng khoán phái sinh	Trưởng phòng	12 năm	Quản lý Quỹ số 001692/QLQ

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

a) Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty

- Công ty đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán bao gồm:
 - + Môi giới chứng khoán;
 - + Tự doanh chứng khoán;
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - + Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.
- Công ty nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có giá trị môi giới lớn nhất trong năm 2025 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM với 3,46% (theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM).
- Công ty không nằm trong danh sách 10 công ty có giá trị môi giới lớn trong năm 2025 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu thị trường UPCoM và thị trường chứng khoán phái sinh (theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
- Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác (nếu có).

b) Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải:

- Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các tranh chấp hay kiện tụng gì.

c) Các tài liệu quảng cáo và thông tin giới thiệu về chứng quyền có bảo đảm:

- Công ty có kế hoạch quảng cáo dự kiến cho các chứng quyền trong đợt đăng ký chào bán này. Nội dung phương án quảng cáo dự kiến cụ thể của Công ty được trình bày và gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

d) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

Chỉ tiêu (đơn vị: nghìn đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm	Quý 1 Năm 2026
Tổng giá trị tài sản	13.436.481.231	16.437.824.452	22,3%	16.443.560.345
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	2.414.298.280	2.844.853.127	17,8%	873.310.697
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	569.359.790	716.204.096	25,8%	253.823.698
Lợi nhuận khác	41.401	-735.375	-1.876%	5.992
Lợi nhuận trước thuế	569.401.192	715.468.721	25,7%	253.829.690
Lợi nhuận sau thuế	450.541.164	571.734.333	26,9%	203.063.752

e) Danh sách các chứng quyền có bảo đảm Công ty đã phát hành tính đến ngày 12/05/2026.

i. Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành trên thị trường (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu).

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã CKCS	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành	Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế	Giá phát hành lần đầu (đồng)	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)
1	Chứng quyền VRE.KIS.M.CA.T.42	CVRE2519	VRE	11	3/6/2026	3.000.000	739.600	1.100	4:01	29.999
2	Chứng quyền FPT.KIS.M.CA.T.07	CFPT2524	FPT	10	25/6/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	24,7425:1	117.466
3	Chứng quyền HPG.KIS.M.CA.T.32	CHPG2534	HPG	10	25/6/2026	6.000.000	6.000.000	1.000	3,9282:1	30.552
4	Chứng quyền MSN.KIS.M.CA.T.40	CMSN2520	MSN	10	25/6/2026	6.000.000	6.000.000	1.000	10:01	97.111
5	Chứng quyền SHB.KIS.M.CA.T.19	CSHB2514	SHB	10	25/6/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	1,9731:1	20.400
6	Chứng quyền SSB.KIS.M.CA.T.10	CSSB2509	SSB	10	25/6/2026	2.000.000	2.000.000	1.000	1,7698:01	13.470
7	Chứng quyền STB.KIS.M.CA.T.50	CSTB2527	STB	10	25/6/2026	6.000.000	6.000.000	1.100	5:01	66.553
8	Chứng quyền TCB.KIS.M.CA.T.06	CTCB2517	TCB	10	25/6/2026	1.000.000	1.000.000	1.100	4,8710:1	45.582
9	Chứng quyền TPB.KIS.M.CA.T.13	CTPB2510	TPB	10	25/6/2026	1.000.000	1.000.000	1.100	1,9063:1	24.686
10	Chứng quyền VHM.KIS.M.CA.T.39	CVHM2521	VHM	9	25/5/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	8:01	115.678
11	Chứng quyền VHM.KIS.M.CA.T.40	CVHM2522	VHM	10	25/6/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	8:01	117.688

12	Chứng quyền VIC.KIS.M.CA.T.40	CVIC2513	VIC	9	25/5/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	5:01	73.500
13	Chứng quyền VIC.KIS.M.CA.T.41	CVIC2514	VIC	10	25/6/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	5:01	74.444
14	Chứng quyền VIC.KIS.M.CA.T.23	CVIC2506	VIC	10	25/6/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	10:01	167.799
15	Chứng quyền VNM.KIS.M.CA.T.37	CVNM2521	VNM	10	25/6/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	9.5997:1	67.300
16	Chứng quyền VPB.KIS.M.CA.T.22	CVPB2524	VPB	10	25/6/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	4:01	43.111
17	Chứng quyền VRE.KIS.M.CA.T.45	CVRE2524	VRE	10	25/6/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	4:01	35.888
18	Chứng quyền LPB.KIS.M.CA.T.06	CLPB2509	LPB	10	25/6/2026	2.000.000	2.000.000	1.000	8:01	56.333
19	Chứng quyền VHM.KIS.M.CA.T.41	CVHM2608	VHM	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	12:1	148.888
20	Chứng quyền VIC.KIS.M.CA.T.42	CVIC2601	VIC	7	20/8/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	20:1	191.818
21	Chứng quyền VRE.KIS.M.CA.T.46	CVRE2602	VRE	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	4:1	38.388
22	Chứng quyền SHB.KIS.M.CA.T.20	CSHB2604	SHB	4	20/5/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	1.9731:1	19.138
23	Chứng quyền SHB.KIS.M.CA.T.21	CSHB2605	SHB	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	1.9731:1	19.532
24	Chứng quyền SSB.KIS.M.CA.T.11	CSSB2601	SSB	4	20/5/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	4:1	21.111
25	Chứng quyền SSB.KIS.M.CA.T.12	CSSB2602	SSB	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	4:1	21.399
26	Chứng quyền STB.KIS.M.CA.T.51	CSTB2607	STB	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	8:1	69.888
27	Chứng quyền TPB.KIS.M.CA.T.14	CTPB2604	TPB	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	2:1	20.688
28	Chứng quyền VPB.KIS.M.CA.T.23	CVPB2607	VPB	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	4:1	34.567
29	Chứng quyền HPG.KIS.M.CA.T.53	CHPG2611	HPG	4	20/5/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	3.9282:1	31.425
30	Chứng quyền HPG.KIS.M.CA.T.54	CHPG2612	HPG	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	3.9282:1	32.407

31	Chứng quyền.MSN.KIS. M.CA.T.41	CMSN2607	MSN	4	20/5/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	10:1	94.567
32	Chứng quyền.MSN.KIS. M.CA.T.42	CMSN2608	MSN	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	10:1	95.999
33	Chứng quyền.VJC.KIS.M .CA.T.24	CVJC2601	VJC	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	20:1	219.999
34	Chứng quyền.VNM.KIS. M.CA.T.38	CVNM2604	VNM	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	10:1	83.979
35	Chứng quyền.DGC.KIS. M.CA.T.01	CDGC2601	DGC	7	20/8/2026	2.000.000	2.000.000	1.100	16:1	76.868

ii. Các chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu):

Không có.

iii. Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn (Chứng quyền mua, kiểu thực hiện châu Âu):

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Mã CKCS	Thời hạn (tháng)	Ngày đáo hạn	Tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành	Khối lượng chứng quyền niêm yết thực tế	Giá phát hành lần đầu (đồng)	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Giá thanh toán trên một đơn vị chứng quyền (đồng)
1	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.02	CHPG 1906	HPG	3	14/11/2019	5.000.000	5.000.000	1.500	2:1	28.088	Không có lãi
2	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.01	CVIC 1901	VIC	3	14/11/2019	2.000.000	2.000.000	1.960	5:1	140.888	Không có lãi
3	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.01	CVRE 1901	VRE	3	14/11/2019	5.100.000	5.100.000	1.900	2:1	40.888	Không có lãi
4	Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.01	CMSN 1901	MSN	3	14/11/2019	1.800.000	1.800.000	1.920	5:1	88.888	Không có lãi
5	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.01	CHPG 1902	HPG	6	11/12/2019	12.000.000	12.000.000	1.000	5:1	41.999	Không có lãi
6	Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.01	CVNM 1901	VNM	6	13/12/2019	14.000.000	14.000.000	1.200	10:1	156.285	Không có lãi
7	Chứng quyền. DPM.KIS. M.CA.T.01	CDPM 1901	DPM	4	09/01/2020	1.500.000	900.000	1.900	1:1	13.988	Không có lãi
8	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.01	CSTB 1901	STB	4	09/01/2020	4.500.000	4.500.000	1.390	1:1	10.888	Không có lãi
9	Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.01	CNVL 1901	NVL	5	07/02/2020	5.000.000	3.000.000	1.900	4:1	62.088	Không có lãi

10	Chứng quyền, VHM.KIS, M.CA.T.01	CVHM 1901	VHM	3	07/02/2020	5.000.000	3.000.000	3.100	4:1	89.888	Không có lãi
11	Chứng quyền, SBT.KIS, M.CA.T.01	CSBT 1901	SBT	3	14/02/2020	2.000.000	2.000.000	1.500	1:1	21.212	Không có lãi
12	Chứng quyền, VNM.KIS, M.CA.T.02	CVNM 1902	VNM	6	26/03/2020	5.000.000	3.000.000	1.840	10:1	133.333	Không có lãi
13	Chứng quyền, VJC.KIS, M.CA.T.01	CVJC 1901	VJC	5	26/02/2020	5.000.000	3.000.000	1.800	10:1	145.678	Không có lãi
14	Chứng quyền, HPG.KIS, M.CA.T.03	CHPG 1909	HPG	6	15/05/2020	5.000.000	3.000.000	1.800	2:1	24.680	Không có lãi
15	Chứng quyền, MSN.KIS, M.CA.T.02	CMSN 1902	MSN	6	15/05/2020	7.000.000	7.000.000	3.000	5:1	77.889	Không có lãi
16	Chứng quyền, VIC.KIS, M.CA.T.02	CVIC 1903	VIC	6	15/05/2020	4.000.000	2.400.000	2.100	10:1	123.000	Không có lãi
17	Chứng quyền, VRE.KIS, M.CA.T.02	CVRE 1903	VRE	6	15/05/2020	4.000.000	2.400.000	2.700	2:1	35.789	Không có lãi
18	Chứng quyền, ROS.KIS, M.CA.T.01	CROS 2001	ROS	6	19/06/2020	20.000.000	20.000.000	1.500	4:1	26.468	Không có lãi
19	Chứng quyền, HDB.KIS, M.CA.T.01	CHDB 2001	HDB	6	19/06/2020	5.000.000	3.000.000	2.000	2:1	29.999	Không có lãi
20	Chứng quyền, DPM.KIS, M.CA.T.02	CDPM 2001	DPM	6	19/06/2020	2.000.000	1.200.000	1.000	1,9333 :1	14.081	Không có lãi
21	Chứng quyền, STB.KIS, M.CA.T.02	CSTB 2001	STB	6	19/06/2020	10.000.000	10.000.000	1.500	1:1	10.999	751
22	Chứng quyền, HPG.KIS, M.CA.T.05	CHPG 2007	HPG	3	16/07/2020	2.500.000	2.500.000	1.660	1:1	22.999	4.901
23	Chứng quyền, MSN.KIS, M.CA.T.04	CMSN 2003	MSN	3	16/07/2020	2.000.000	2.000.000	1.900	2:1	69.999	Không có lãi
24	Chứng quyền, VIC.KIS, M.CA.T.04	CVIC 2002	VIC	3	16/07/2020	2.000.000	2.000.000	1.350	5:1	108.888	Không có lãi
25	Chứng quyền, VRE.KIS, M.CA.T.05	CVRE 2004	VRE	3	16/07/2020	1.000.000	1.000.000	1.940	1:1	29.999	Không có lãi
26	Chứng quyền, HPG.KIS, M.CA.T.06	CHPG 2006	HPG	5	16/09/2020	4.000.000	2.400.000	1.500	1,6362 :1	18.014	4.000
27	Chứng quyền, MSN.KIS, M.CA.T.05	CMSN 2002	MSN	5	16/09/2020	4.000.000	2.400.000	2.000	4:1	62.999	Không có lãi
28	Chứng quyền, STB.KIS, M.CA.T.04	CSTB 2003	STB	5	16/09/2020	6.000.000	6.000.000	1.360	1:1	11.111	199
29	Chứng quyền, VRE.KIS, M.CA.T.03	CVRE 2001	VRE	9	21/09/2020	8.000.000	4.800.000	1.500	4:1	36.789	Không có lãi

30	Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.04	CVNM 2006	VNM	4	05/10/2020	2.000.000	2.000.000	1.530	8,0973 :1	106.327	792
31	Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.03	CHDB 2005	HDB	4	05/10/2020	1.500.000	900.000	1.080	3,0769 :1	21.020	2.496
32	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.03	CVJC 2003	VJC	4	05/10/2020	1.500.000	900.000	1.670	10:1	123.456	Không có lãi
33	Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.03	CVHM 2004	VHM	4	05/10/2020	1.500.000	900.000	1.490	10:1	86.868	Không có lãi
34	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.05	CVIC 2003	VIC	4	05/10/2020	1.500.000	1.500.000	1.670	10:1	103.050	Không có lãi
35	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.05	CSTB 2005	STB	5	03/11/2020	2.000.000	1.200.000	1.080	2:1	11.811	760
36	Chứng quyền. DPM.KIS.M. CA.T.03	CDPM 2002	DPM	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	1.700	0,9194 :1	14.022	4.196
37	Chứng quyền. HDB.KIS. M.CA.T.02	CHDB 2003	HDB	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	2.700	1,2122 :1	19.469	2.377
38	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.04	CHPG 2002	HPG	11	16/12/2020	3.000.000	1.800.000	1.700	1,6362:1	24.542	8.561
39	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.03	CMSN2001	MSN	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	2.300	5:1	65.789	3.754
40	Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.02	CNVL 2001	NVL	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	2.300	4:1	65.888	Không có lãi
41	Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.02	CSBT 2001	SBT	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	2.900	0,9686:1	20.447	Không có lãi
42	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.03	CSTB 2002	STB	11	16/12/2020	3.000.000	1.800.000	1.700	1:1	11.888	3.942
43	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.02	CVHM2001	VHM	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	3.100	5:1	94.567	Không có lãi
44	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.03	CVIC 2001	VIC	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	3.800	5:1	126.468	Không có lãi
45	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.02	CVJC 2001	VJC	11	16/12/2020	2.000.000	1.200.000	2.400	10:1	173.137	Không có lãi
46	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.03	CVNM2002	VNM	11	16/12/2020	3.000.000	1.800.000	3.200	4,0486 :1	114.261	Không có lãi
47	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.04	CVRE 2003	VRE	11	16/12/2020	3.000.000	1.800.000	3.000	2:1	37.999	Không có lãi
48	Chứng quyền. ROS.KIS. M.CA.T.02	CROS 2002	ROS	8	16/12/2020	6.000.000	6.000.000	1.000	1:1	7.227	Không có lãi
49	Chứng quyền. CTD.KIS. M.CA.T.01	CCTD 2001	CTD	8	16/12/2020	1.000.000	856.970	1.540	9,6226 :1	77.835	Không có lãi

50	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.08	CHPG 2017	HPG	6	18/02/2021	10.000.000	10.000.000	1.000	4:1	28.888	3.301
51	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.08	CVRE 2010	VRE	6	18/02/2021	4.000.000	4.000.000	1.100	4:1	29.999	575
52	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.01	CKDH2003	KDH	4	18/02/2021	4.000.000	4.000.000	1.100	4:1	25.111	1.815
53	Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.01	CTCH 2002	TCH	4	18/02/2021	10.000.000	10.000.000	1.100	3,9020 :1	21.243	161
54	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.06	CSTB 2006	STB	10	05/04/2021	2.000.000	1.200.000	1.580	2:1	12.888	4.091
55	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.07	CHPG 2010	HPG	10	05/04/2021	6.000.000	6.000.000	1.800	3,2724 :1	27.079	6.216
56	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.06	CVRE 2007	VRE	10	05/04/2021	7.500.000	7.300.000	1.520	5:1	33.333	Không có lãi
57	Chứng quyền. NVL.KIS. M.CA.T.03	CNVL 2002	NVL	9	10/03/2021	1.500.000	900.000	2.000	4,9438:1	59.215	4.419
58	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.05	CVNM2007	VNM	9	10/03/2021	2.000.000	1.200.000	2.400	8,0232 :1	111.432	Không có lãi
59	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.04	CHDB 2007	HDB	9	27/04/2021	5.000.000	5.000.000	1.300	3,0304 :1	16.831	3.303
60	Chứng quyền. SBT.KIS. M.CA.T.03	CSBT 2007	SBT	9	27/04/2021	5.000.000	5.000.000	1.700	1,9371 :1	15.495	2.677
61	Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.04	CVJC 2004	VJC	9	27/04/2021	2.000.000	2.000.000	1.200	20:1	115.511	700
62	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.06	CMSN 2007	MSN	9	27/04/2021	3.000.000	1.800.000	1.400	9,8817 :1	56.195	4.550
63	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.04	CVHM2006	VHM	9	27/04/2021	6.000.000	6.000.000	1.000	20:1	84.888	964
64	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.06	CVIC 2004	VIC	9	27/04/2021	6.000.000	6.000.000	1.000	20:1	99.999	1.957
65	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.08	CMSN 2014	MSN	4	02/03/2021	2.500.000	2.500.000	1.100	9,8817: 1	86.838	419
66	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.07	CVNM2016	VNM	4	02/03/2021	2.500.000	2.500.000	1.000	19,8170: 1	112.350	Không có lãi
67	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.08	CVIC 2007	VIC	4	02/03/2021	5.000.000	5.000.000	1.000	20:1	111.222	Không có lãi
68	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.09	CSTB 2015	STB	4	02/03/2021	3.000.000	3.000.000	1.200	2:1	13.979	2.321
69	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.10	CSTB 2016	STB	6	04/05/2021	3.000.000	3.000.000	1.200	2:1	14.141	4.550

70	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.05	CHDB 2008	HDB	6	04/05/2021	3.000.000	3.000.000	1.000	3,1516: 1	20.397	2.051
71	Chứng quyền. EIB.KIS.M. CA.T.01	CEIB 2001	EIB	4	05/04/2021	1.000.000	1.000.000	1.000	10:1	18.818	102
72	Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.01	CVPB 2017	VPB	4	05/04/2021	1.000.000	1.000.000	1.000	10:1	30.999	1.424
73	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.07	CSTB 2007	STB	10	27/05/2021	3.000.000	3.000.000	1.500	2:1	10.999	9.101
74	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.07	CVRE 2009	VRE	10	27/05/2021	7.500.000	7.500.000	1.400	5:1	30.999	Không có lãi
75	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.09	CHPG 2018	HPG	9	14/05/2021	9.000.000	9.000.000	1.200	4:1	29.999	8.000
76	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.07	CMSN 2009	MSN	9	14/05/2021	3.000.000	1.800.000	1.200	9,8817: 1	61.265	4.023
77	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.02	CKDH2001	KDH	7	14/05/2021	3.000.000	3.000.000	1.400	4:1	26.222	2.612
78	Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.02	CTCH 2001	TCH	7	14/05/2021	8.000.000	8.000.000	1.400	3,9020: 1	22.327	Không có lãi
79	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.04	CNVL 2003	NVL	9	11/06/2021	9.500.000	9.500.000	1.000	7,2876: 1	46.625	7.745
80	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.08	CSTB 2010	STB	9	11/06/2021	3.500.000	3.500.000	1.100	2:1	11.999	8.996
81	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.05	CVHM 2008	VHM	9	11/06/2021	7.000.000	7.000.000	1.400	10:1	88.888	1.631
82	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.07	CVIC 2005	VIC	9	11/06/2021	6.000.000	6.000.000	1.500	10:1	106.868	1.295
83	Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.05	CVJC 2006	VJC	9	11/06/2021	5.000.000	5.000.000	1.000	20:1	111.111	99
84	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.06	CVNM2011	VNM	9	11/06/2021	5.000.000	5.000.000	1.100	16,057: 1	107.045	Không có lãi
85	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.09	CVRE 2011	VRE	9	11/06/2021	5.500.000	5.500.000	1.500	4:1	31.888	13
86	Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.01	CMBB2102	MBB	4	12/08/2021	1.800.000	1.800.000	1.200	7,4074:1	25.531	574
87	Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.05	CTCH 2103	TCH	4	12/08/2021	5.000.000	5.000.000	1.200	4:1	31.668	Không có lãi
88	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.11	CHPG 2107	HPG	4	12/08/2021	4.000.000	4.000.000	1.300	3,6761: 1	43.648	1.469
89	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.12	CHPG 2108	HPG	4	12/08/2021	5.000.000	5.000.000	1.200	3,6761:1	43.713	1.452

90	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.07	CVHM2106	VHM	4	12/08/2021	3.000.000	3.000.000	1.300	10:1	118.668	Không có lãi
91	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.03	CKDH 2002	KDH	10	16/08/2021	3.000.000	3.000.000	1.600	3,6364: 1	24.848	4.524
92	Chứng quyền. TCH.KIS. M.CA.T.03	CTCH 2003	TCH	10	16/08/2021	6.000.000	6.000.000	1.600	3,9020: 1	23.410	Không có lãi
93	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.01	CPDR 2101	PDR	4	27/08/2021	5.000.000	5.000.000	1.100	5:1	88.888	Không có lãi
94	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.06	CHDB 2101	HDB	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	4,0015: 1	21.919	348
95	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.04	CKDH 2101	KDH	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	4,5455: 1	30.302	2.567
96	Chứng quyền. TCH.KIS.M. CA.T.04	CTCH 2101	TCH	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	3,3852: 1	20.875	Không có lãi
97	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.09	CMSN 2101	MSN	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.050	19,8294: 1	99.146	2.335
98	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.10	CMSN 2102	MSN	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	19,8294: 1	110.163	1.779
99	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.11	CSTB 2101	STB	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	2:1	21.999	2.406
100	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.05	CNVL 2101	NVL	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	11,6602: 1	56.842	3.965
101	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.10	CVRE 2101	VRE	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.200	4:1	34.567	Không có lãi
102	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.10	CHPG 2101	HPG	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.050	2,9409: 1	34.473	5.742
103	Chứng quyền. SBT.KIS.M. CA.T.04	CSBT 2101	SBT	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.100	5:1	24.666	Không có lãi
104	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.09	CVIC 2101	VIC	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.000	17,7758: 1	112.777	Không có lãi
105	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.08	CVNM2101	VNM	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.100	19,2409: 1	122.072	Không có lãi
106	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.06	CVHM2101	VHM	9	22/09/2021	2.000.000	2.000.000	1.100	12,1421: 1	81.115	Không có lãi
107	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.06	CNVL 2102	NVL	5	27/09/2021	3.000.000	3.000.000	1.100	11,7928: 1	94.636	711
108	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.02	CPDR 2102	PDR	5	27/09/2021	5.000.000	5.000.000	1.100	5:1	88.999	Không có lãi
109	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.10	CVIC 2103	VIC	5	27/09/2021	3.000.000	3.000.000	1.100	17,7758: 1	147.449	Không có lãi

110	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.09	CVNM2105	VNM	5	27/09/2021	5.000.000	5.000.000	1.100	19,4186: 1	115.929	Không có lãi
111	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.05	CKDH 2103	KDH	4	02/12/2021	4.000.000	4.000.000	1.200	10:1	48.779	Không có lãi
112	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.12	CSTB 2106	STB	4	02/12/2021	10.000.000	10.000.000	1.500	10:1	35.678	Không có lãi
113	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.07	CHDB 2102	HDB	4	02/12/2021	4.000.000	4.000.000	1.200	8,0030: 1	32.283	Không có lãi
114	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.11	CMSN 2106	MSN	4	02/12/2021	4.000.000	4.000.000	1.500	20:1	160.779	Không có lãi
115	Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.06	CVJC 2102	VJC	4	02/12/2021	3.000.000	3.000.000	1.400	25:1	135.555	Không có lãi
116	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.11	CVRE 2107	VRE	4	02/12/2021	5.000.000	5.000.000	1.200	10:1	33.179	Không có lãi
117	Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.02	CVPB 2105	VPB	4	02/12/2021	2.000.000	2.000.000	1.500	11,1039: 1	40.629	Không có lãi
118	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.11	CVIC 2106	VIC	7	27/04/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	20:1	98.888	Không có lãi
119	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.08	CVHM2111	VHM	7	27/04/2022	11.300.000	11.300.000	1.000	20:1	88.888	Không có lãi
120	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.12	CVRE 2110	VRE	7	27/04/2022	9.300.000	9.300.000	1.000	8:1	29.999	54
121	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.10	CVNM2111	VNM	7	27/04/2022	7.000.000	7.000.000	1.100	19,6714: 1	97.263	Không có lãi
122	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.12	CMSN 2108	MSN	7	27/04/2022	3.000.000	3.000.000	1.600	16,6521: 1	133.216	Không có lãi
123	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.13	CHPG 2114	HPG	7	27/04/2022	17.700.000	17.700.000	1.200	10:1	56.789	Không có lãi
124	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.03	CPDR 2103	PDR	7	27/04/2022	3.000.000	3.000.000	1.200	11,7296: 1	65.164	Không có lãi
125	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.07	CNVL 2104	NVL	7	27/04/2022	5.400.000	5.400.000	1.300	15,2743: 1	83.160	Không có lãi
126	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.06	CKDH 2107	KDH	7	27/04/2022	3.000.000	3.000.000	1.300	8:1	43.888	510
127	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.13	CSTB 2110	STB	7	27/04/2022	10.000.000	10.000.000	1.000	8:1	29.999	Không có lãi
128	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.08	CHDB 2103	HDB	7	27/04/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	8:1	28.888	Không có lãi
129	Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.07	CVJC 2103	VJC	7	27/04/2022	3.000.000	3.000.000	1.500	20:1	129.999	267

130	Chứng quyền. VIC.KIS.M. C.A.T.12	CVIC 2108	VIC	6	04/05/2021	4.000.000	4.000.000	1.200	16:1	99.999	Không có lãi
131	Chứng quyền. VHM.KIS.M. C.A.T.09	CVHM2114	VHM	6	04/05/2021	5.000.000	5.000.000	1.100	16:1	89.999	Không có lãi
132	Chứng quyền. VRE.KIS.M. C.A.T.13	CVRE 2113	VRE	6	04/05/2021	5.000.000	5.000.000	1.400	4:1	34.999	Không có lãi
133	Chứng quyền. VNM.KIS.M. C.A.T.11	CVNM2113	VNM	6	04/05/2021	4.000.000	4.000.000	1.100	15,7371: 1	95.199	Không có lãi
134	Chứng quyền. HPG.KIS.M. C.A.T.14	CHPG 2118	HPG	6	04/05/2021	8.000.000	8.000.000	2.000	5:1	61.999	Không có lãi
135	Chứng quyền. MBB.KIS.M. C.A.T.02	CMBB 2109	MBB	6	04/05/2021	1.200.000	1.200.000	1.100	5:1	32.789	Không có lãi
136	Chứng quyền. PNJ.KIS.M. C.A.T.01	CPNJ 2109	PNJ	6	04/05/2021	2.500.000	2.500.000	1.000	24,7043: 1	107.601	Không có lãi
137	Chứng quyền. VPB.KIS.M.C A.T.03	CVPB 2203	VPB	4	15/07/2022	1.450.000	1.450.000	1.000	16:1	28.888	Không có lãi
138	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.01	CPOW 2201	POW	4	15/07/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	5:1	16.666	Không có lãi
139	Chứng quyền. HPG.KIS.M. C.A.T.16	CHPG 2202	HPG	9	21/09/2022	8.000.000	8.000.000	1.100	7,5645: 1	40.764	Không có lãi
140	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.13	CMSN 2201	MSN	9	21/09/2022	5.000.000	5.000.000	2.000	16,5516: 1	140.688	Không có lãi
141	Chứng quyền. STB.KIS.M. C.A.T.14	CSTB 2201	STB	9	21/09/2022	8.000.000	8.000.000	1.500	5:1	29.888	Không có lãi
142	Chứng quyền. HDB.KIS.M.C A.T.09	CHDB 2201	HDB	9	21/09/2022	3.000.000	3.000.000	1.500	5:1	30.999	Không có lãi
143	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.12	CVNM2201	VNM	9	21/09/2022	3.000.000	3.000.000	1.200	15,2204: 1	85.603	Không có lãi
144	Chứng quyền. VIC.KIS.M. C.A.T.13	CVIC 2201	VIC	9	21/09/2022	3.000.000	3.000.000	1.500	16:1	103.979	Không có lãi
145	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.10	CVHM2201	VHM	9	21/09/2022	5.000.000	5.000.000	1.300	15,5461: 1	85.191	Không có lãi
146	Chứng quyền. HDB.KIS.M.C A.T.10	CHDB 2203	HDB	5	15/08/2022	4.000.000	4.000.000	1.100	5:1	28.888	Không có lãi
147	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.17	CHPG 2206	HPG	5	15/08/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	7,5645: 1	36.981	Không có lãi
148	Chứng quyền. KDH.KIS.M.C A.T.08	CKDH 2204	KDH	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.300	7,2690: 1	48.460	Không có lãi
149	Chứng quyền. NVL.KIS.M.C A.T.09	CNVL 2202	NVL	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	16:1	79.999	139

150	Chứng quyền. PDR.KIS.M.C A.T.05	CPDR 2202	PDR	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.200	11,7296: 1	67.608	Không có lãi
151	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.11	CVHM2205	VHM	5	15/08/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	15,5461: 1	76.650	Không có lãi
152	Chứng quyền. VIC.KIS.M.C A.T.14	CVIC 2202	VIC	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	16:1	82.222	Không có lãi
153	Chứng quyền. VJC.KIS.M.CA T.08	CVJC 2201	VJC	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.300	20:1	159.999	Không có lãi
154	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.13	CVNM2203	VNM	5	15/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	19,3434: 1	78.448	Không có lãi
155	Chứng quyền. VRE.KIS.M.C A.T.14	CVRE 2203	VRE	5	15/08/2022	5.000.000	5.000.000	1.600	4:1	33.979	Không có lãi
156	Chứng quyền. STB.KIS.M.CA T.15	CSTB 2205	STB	5	15/08/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	8:1	34.567	Không có lãi
157	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.18	CHPG 2209	HPG	4	22/08/2022	4.000.000	4.000.000	1.000	6,0516: 1	34.460	Không có lãi
158	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.15	CVRE 2205	VRE	4	22/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	5:1	32.222	Không có lãi
159	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.16	CSTB 2207	STB	4	22/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	5:1	28.888	Không có lãi
160	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.15	CVIC 2204	VIC	4	22/08/2022	4.000.000	4.000.000	1.000	16:1	83.333	Không có lãi
161	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.14	CMSN 2203	MSN	4	22/08/2022	3.000.000	3.000.000	1.000	19,8539: 1	125.863	Không có lãi
162	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.10	CNVL 2204	NVL	5	20/09/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	16:1	85.999	Không có lãi
163	Chứng quyền. KDH.KIS.M. CA.T.09	CKDH 2206	KDH	5	20/09/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	7,2690: 1	48.156	Không có lãi
164	Chứng quyền. VJC.KIS.M. CA.T.09	CVJC 2202	VJC	5	20/09/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	20:1	156.789	Không có lãi
165	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.06	CPDR 2203	PDR	5	20/09/2022	2.000.000	2.000.000	1.100	10:1	65.999	Không có lãi
166	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.15	CHPG 2201	HPG	10	21/10/2022	8.000.000	8.000.000	1.300	7,5645: 1	37.570	Không có lãi
167	Chứng quyền. KDH.KIS.M.C A.T.07	CKDH 2201	KDH	9	05/10/2022	4.000.000	4.000.000	1.500	7,2690: 1	55.988	Không có lãi
168	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.04	CPDR 2201	PDR	9	05/10/2022	3.000.000	3.000.000	3.000	3,6655:1	83.084	Không có lãi
169	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.08	CNVL 2201	NVL	9	05/10/2022	5.000.000	5.000.000	1.100	20:1	93.979	Không có lãi

170	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.19	CHPG 2210	HPG	6	20/10/2022	4.000.000	4.000.000	1.100	6,0516: 1	36.141	Không có lãi
171	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.16	CVRE 2206	VRE	6	20/10/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	5:1	35.555	Không có lãi
172	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.17	CSTB 2208	STB	6	20/10/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	5:1	30.111	Không có lãi
173	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.16	CVIC 2205	VIC	6	20/10/2022	4.000.000	4.000.000	1.100	16:1	86.666	Không có lãi
174	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.11	CHDB 2205	HDB	6	20/10/2022	4.000.000	4.000.000	1.000	3,9979: 1	21.677	Không có lãi
175	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.17	CVRE 2207	VRE	6	20/10/2022	6.000.000	6.000.000	1.000	8:1	33.333	Không có lãi
176	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.14	CVNM2205	VNM	6	20/10/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	15,4747: 1	77.372	Không có lãi
177	Chứng quyền. PNJ.KIS.M.CA T.02	CPNJ 2202	PNJ	4	03/10/2022	1.250.000	1.250.000	1.200	25:1	99.999	433
178	Chứng quyền. MBB.KIS.M.C A.T.03	CMBB 2206	MBB	4	03/10/2022	1.260.000	1.260.000	1.000	8,3333: 1	18.518	179
179	Chứng quyền. VPB.KIS.M.C A.T.04	CVPB 2204	VPB	8	15/11/2022	1.450.000	1.450.000	1.000	10,6569: 1	20.573	Không có lãi
180	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.02	CPOW 2202	POW	8	15/11/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	5:1	17.999	Không có lãi
181	Chứng quyền. TPB.KIS.M.CA T.01	CTPB 2203	TPB	4	28/10/2022	1.500.000	1.500.000	1.000	10:1	22.999	Không có lãi
182	Chứng quyền. HDB.KIS.M.C A.T.14	CHDB 2209	HDB	4	09/12/2022	4.000.000	4.000.000	1.100	3,1983: 1	21.483	Không có lãi
183	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.23	CHPG 2218	HPG	4	09/12/2022	6.000.000	6.000.000	1.100	4:1	24.888	Không có lãi
184	Chứng quyền. KDH.KIS.M.C A.T.11	CKDH 2211	KDH	4	09/12/2022	3.000.000	3.000.000	3.100	2:1	40.888	Không có lãi
185	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.18	CMSN 2211	MSN	4	09/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.900	10:1	109.999	Không có lãi
186	Chứng quyền. NVL.KIS.M.C A.T.14	CNVL 2209	NVL	4	09/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.300	10:1	86.868	Không có lãi
187	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.04	CPOW 2206	POW	4	09/12/2022	6.000.000	6.000.000	1.500	2:1	14.567	Không có lãi
188	Chứng quyền. STB.KIS.M.CA T.21	CSTB 2216	STB	4	09/12/2022	6.000.000	6.000.000	1.700	2:1	27.979	Không có lãi
189	Chứng quyền. VIC.KIS.M.CA T.12	CVIC 2205	VIC	4	09/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.300	16:1	129.999	Không có lãi
190	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.16	CVNM2208	VNM	4	09/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.100	10:1	75.999	700
191	Chứng quyền. VPB.KIS.M.C A.T.05	CVPB 2209	VPB	4	09/12/2022	1.450.000	1.450.000	1.000	10,6569: 1	17.879	Không có lãi

192	Chứng quyền. MWG.KIS.M.C A.T.01	CMWG2209	MWG	4	12/12/2022	1.300.000	1.300.000	1.000	20:1	56.999	Không có lãi
193	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.05	CPOW 2207	POW	4	12/12/2022	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	14.111	Không có lãi
194	Chứng quyền.H PG.KIS.M.C.A T.20	CHPG 2212	HPG	7	27/12/2022	8.000.000	8.000.000	1.000	7,5645: 1	27.829	Không có lãi
195	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.15	CMSN 2205	MSN	7	27/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.200	19,8539: 1	113.146	Không có lãi
196	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.11	CNVL 2205	NVL	7	27/12/2022	5.000.000	5.000.000	1.100	16:1	81.888	Không có lãi
197	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.18	CSTB 2211	STB	7	27/12/2022	8.000.000	8.000.000	1.000	8:1	23.333	Không có lãi
198	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.12	CVHM2209	VHM	7	27/12/2022	5.000.000	5.000.000	1.000	15,5461: 1	69.979	Không có lãi
199	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.18	CVRE 2209	VRE	7	27/12/2022	6.000.000	6.000.000	1.000	8:1	30.888	Không có lãi
200	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.10	CVIC 2203	VIC	7	27/12/2022	3.000.000	3.000.000	1.400	20:1	131.131	Không có lãi
201	Chứng quyền. MBB.KIS.M.C A.T.04	CMBB 2207	MBB	7	03/01/2023	1.260.000	1.260.000	1.000	8,3333: 1	19.547	Không có lãi
202	Chứng quyền. PNJ.KIS.M.CA T.03	CPNJ 2203	PNJ	7	03/01/2023	1.250.000	1.250.000	1.300	18,5090: 1	81.439	143
203	Chứng quyền. HDB.KIS.M.C A.T.12	CHDB 2206	HDB	7	03/01/2023	6.000.000	6.000.000	1.000	6,3966: 1	23.986	Không có lãi
204	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.13	CVHM2210	VHM	7	03/01/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	16:1	79.999	Không có lãi
205	Chứng quyền. NVL.KIS.M.C A.T.12	CNVL 2206	NVL	7	03/01/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	16:1	83.999	Không có lãi
206	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.16	CMSN 2206	MSN	4	03/01/2023	1.260.000	1.260.000	1.000	19,8539: 1	132.359	Không có lãi
207	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.21	CHPG 2214	HPG	7	03/01/2023	1.260.000	1.260.000	1.000	7,5645: 1	28.744	Không có lãi
208	Chứng quyền. STB.KIS.M.CA T.19	CSTB 2213	STB	4	03/01/2023	1.250.000	1.250.000	1.000	8:1	24.444	Không có lãi
209	Chứng quyền. PDR.KIS.M.C A.T.07	CPDR 2204	PDR	7	03/01/2023	1.250.000	1.250.000	1.000	16:1	57.979	Không có lãi
210	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.09	CPDR 2206	PDR	5	01/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	10:1	51.888	Không có lãi
211	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.16	CVHM2217	VHM	5	01/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	10:1	51.999	Không có lãi
212	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.25	CHPG 2224	HPG	5	01/03/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	22.222	Không có lãi
213	Chứng quyền. STB.KIS.M.CA T.22	CSTB 2222	STB	5	01/03/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	4:1	20.222	1.012

214	Chứng quyền, STB.KIS.M.CA T.23	CSTB 2223	STB	5	01/03/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	4:1	21.111	790
215	Chứng quyền, MBB.KIS.M.C A.T.05	CMBB 2212	MBB	5	01/03/2023	1.260.000	1.260.000	1.000	10:1	17.777	Không có lãi
216	Chứng quyền, VRE.KIS.M.C A.T.21	CVRE 2218	VRE	5	01/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	5:1	27.888	Không có lãi
217	Chứng quyền, MWG.KIS.M.C A.T.02	CMWG2210	MWG	7	10/03/2023	1.300.000	1.300.000	1.000	20:1	58.999	Không có lãi
218	Chứng quyền, HDB.KIS.M.C A.T.15	CHDB 2210	HDB	7	10/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	3,9979: 1	23.098	Không có lãi
219	Chứng quyền, HPG.KIS.M.C A.T.24	CHPG 2219	HPG	7	10/03/2023	6.000.000	6.000.000	1.000	5:1	26.888	Không có lãi
220	Chứng quyền, MSN.KIS.M.C A.T.19	CMSN 2212	MSN	7	10/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.100	20:1	112.233	Không có lãi
221	Chứng quyền, NVL.KIS.M.C A.T.15	CNVL 2210	NVL	7	10/03/2023	6.000.000	6.000.000	1.100	16:1	88.888	Không có lãi
222	Chứng quyền, VHM.KIS.M.C A.T.15	CVHM2213	VHM	7	10/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	16:1	63.979	Không có lãi
223	Chứng quyền, VJC.KIS.M.CA T.13	CVJC 2206	VJC	7	10/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.300	20:1	132.999	Không có lãi
224	Chứng quyền, VNM.KIS.M.C A.T.17	CVNM2209	VNM	7	10/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	15,7189: 1	75.537	27
225	Chứng quyền, VRE.KIS.M.C A.T.20	CVRE 2213	VRE	7	10/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.100	5:1	31.999	Không có lãi
226	Chứng quyền, KDH.KIS.M.C A.T.12	CKDH 2212	KDH	7	10/03/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	8:1	41.999	Không có lãi
227	Chứng quyền, POW.KIS.M.C A.T.06	CPOW 2208	POW	7	10/03/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	15.222	Không có lãi
228	Chứng quyền, TPB.KIS.M.CA T.02	CTPB 2204	TPB	9	28/03/2023	1.500.000	1.500.000	1.000	9,0119: 1	21.528	38
229	Chứng quyền, HDB.KIS.M.C A.T.13	CHDB 2208	HDB	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.100	3,9979: 1	19.189	Không có lãi
230	Chứng quyền, HPG.KIS.M.C A.T.22	CHPG 2215	HPG	9	28/03/2023	10.000.000	10.000.000	1.000	10:1	22.999	Không có lãi
231	Chứng quyền, KDH.KIS.M.C A.T.10	CKDH 2209	KDH	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.200	7,2690: 1	36.344	Không có lãi
232	Chứng quyền, MSN.KIS.M.C A.T.17	CMSN 2209	MSN	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.400	19,8539: 1	111.413	Không có lãi
233	Chứng quyền, NVL.KIS.M.C A.T.13	CNVL 2208	NVL	9	28/03/2023	5.000.000	5.000.000	1.200	16:1	79.999	Không có lãi

234	Chứng quyền. PDR.KIS.M.C A.T.08	CPDR 2205	PDR	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	16:1	52.999	Không có lãi
235	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.03	CPOW 2204	POW	9	28/03/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	5:1	13.979	Không có lãi
236	Chứng quyền. STB.KIS.M.CA T.20	CSTB 2215	STB	9	28/03/2023	10.000.000	10.000.000	1.100	5:1	22.222	554
237	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.14	CVHM2211	VHM	9	28/03/2023	10.000.000	10.000.000	1.000	16:1	64.999	Không có lãi
238	Chứng quyền. VIC.KIS.M.CA T.11	CVIC 2204	VIC	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.500	20:1	133.979	Không có lãi
239	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.15	CVNM2207	VNM	9	28/03/2023	4.000.000	4.000.000	1.100	15,2029: 1	67.462	479
240	Chứng quyền. VRE.KIS.M.C A.T.19	CVRE 2211	VRE	9	28/03/2023	10.000.000	10.000.000	1.000	8:1	28.888	64
241	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.07	CPOW 2209	POW	8	10/04/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	16.333	Không có lãi
242	Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.06	CMBB 2304	MBB	4	02/10/2023	1.500.000	1.500.000	1.000	8,4825:1	13.006	632
243	Chứng quyền. MBB.KIS.M. CA.T.07	CMBB 2305	MBB	7	02/01/2024	1.500.000	1.500.000	1.000	8,4825:1	14.419	480
244	Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.03	CMWG2303	MWG	4	02/10/2023	1.300.000	1.300.000	1.000	19,809:1	31.035	1.059
245	Chứng quyền. MWG.KIS.M. CA.T.04	CMWG2304	MWG	7	02/01/2024	1.300.000	1.300.000	1.000	19,809:1	33.676	461
246	Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.03	CTPB 2302	TPB	4	02/10/2023	2.000.000	2.000.000	1.000	7,1875:1	14.215	510
247	Chứng quyền. TPB.KIS.M. CA.T.04	CTPB 2303	TPB	7	02/01/2024	2.000.000	2.000.000	1.000	7,1875:1	15.812	196
248	Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.06	CVPB 2303	VPB	4	02/10/2023	2.400.000	2.400.000	1.000	16:1	15.777	323
249	Chứng quyền. VPB.KIS.M. CA.T.07	CVPB 2304	VPB	7	02/01/2024	2.400.000	2.400.000	1.000	16:1	16.999	164
250	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.16	CHDB 2301	HDB	5	30/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	3,4815:1	16.827	632
251	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.24	CSTB 2304	STB	5	30/10/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	5:1	28.666	1.059
252	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.25	CSTB 2305	STB	7	02/01/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	5:1	29.111	Không có lãi
253	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.26	CHPG 2308	HPG	5	30/10/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	22.111	510
254	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.27	CHPG 2307	HPG	7	02/01/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	22.666	1.279
255	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.18	CVIC 2301	VIC	5	30/10/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	8:1	53.979	Không có lãi

256	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.17	CVHM2301	VHM	5	30/10/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	8:1	56.879	Không có lãi
257	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.22	CVRE 2302	VRE	5	30/10/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	5:1	28.666	Không có lãi
258	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.18	CVNM2301	VNM	5	30/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	9,6846:1	66.715	323
259	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.16	CNVL 2301	NVL	5	30/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	4:1	13.456	Không có lãi
260	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.10	CPDR 2301	PDR	5	30/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	4:1	14.222	775
261	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.20	CMSN 2301	MSN	5	30/10/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	10:1	73.979	Không có lãi
262	Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.08	CPOW 2301	POW	5	30/10/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	2:1	13.979	Không có lãi
263	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.28	CHPG 2310	HPG	4	02/10/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	23.222	775
264	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.29	CHPG 2311	HPG	6	01/12/2023	8.000.000	8.000.000	1.100	4:1	21.234	1.339
265	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.30	CHPG 2312	HPG	7	02/01/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	23.777	1.001
266	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.31	CHPG 2313	HPG	9	01/03/2024	8.000.000	8.000.000	1.100	4:1	23.333	1.624
267	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.26	CSTB 2307	STB	4	02/10/2023	8.000.000	8.000.000	1.000	5:1	29.999	248
268	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.27	CSTB 2308	STB	6	01/12/2023	8.000.000	8.000.000	1.100	5:1	27.799	6
269	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.28	CSTB 2309	STB	7	02/01/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	5:1	30.555	Không có lãi
270	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.29	CSTB 2310	STB	9	01/03/2024	8.000.000	8.000.000	1.200	5:1	30.333	127
271	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.21	CMSN 2303	MSN	4	02/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	10:1	77.999	Không có lãi
272	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.22	CMSN 2304	MSN	6	01/12/2023	3.000.000	3.000.000	1.200	10:1	75.678	Không có lãi
273	Chứng quyền. MSN.KIS.M. CA.T.23	CMSN 2305	MSN	9	01/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	10:1	76.789	352
274	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.18	CVHM2303	VHM	4	02/10/2023	4.000.000	4.000.000	1.000	8:1	59.888	Không có lãi
275	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.19	CVHM2304	VHM	6	01/12/2023	4.000.000	4.000.000	1.100	8:1	53.555	Không có lãi
276	Chứng quyền. VHM.KIS.M. CA.T.20	CVHM2305	VHM	9	01/03/2024	4.000.000	4.000.000	1.200	8:1	57.777	Không có lãi
277	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.19	CVNM2302	VNM	4	02/10/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	9,6846:1	69.944	611

278	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.20	CVNM2303	VNM	6	01/12/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	9,6846:1	67.791	36
279	Chứng quyền. VNM.KIS.M. CA.T.21	CVNM2304	VNM	9	01/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.200	9,6846:1	68.760	352
280	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.23	CVRE 2304	VRE	4	02/10/2023	5.000.000	5.000.000	1.000	5:1	29.999	Không có lãi
281	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.24	CVRE 2305	VRE	6	01/12/2023	5.000.000	5.000.000	1.100	5:1	27.111	Không có lãi
282	Chứng quyền. VRE.KIS.M. CA.T.25	CVRE 2306	VRE	9	01/03/2024	5.000.000	5.000.000	1.200	5:1	29.333	Không có lãi
283	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.17	CNVL 2302	NVL	5	23/11/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	4:1	16.333	49
284	Chứng quyền. NVL.KIS.M. CA.T.18	CNVL 2303	NVL	9	25/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	4:1	17.333	Không có lãi
285	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.19	CVIC 2302	VIC	5	23/11/2023	3.000.000	3.000.000	1.000	8:1	55.666	Không có lãi
286	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.20	CVIC 2303	VIC	6	25/12/2023	3.000.000	3.000.000	1.100	8:1	57.777	Không có lãi
287	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.21	CVIC 2304	VIC	9	25/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.200	8:1	59.888	Không có lãi
288	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.17	CHDB 2302	HDB	5	23/11/2023	2.000.000	2.000.000	1.000	3,4815:1	16.536	619
289	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.18	CHDB 2303	HDB	6	25/12/2023	2.000.000	2.000.000	1.000	3,4815:1	17.504	364
290	Chứng quyền. HDB.KIS.M. CA.T.19	CHDB 2304	HDB	9	25/03/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	3,4815:1	18.277	1.354
291	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.11	CPDR 2302	PDR	5	23/11/2023	3.000.000	3.000.000	1.100	4:1	18.666	2.384
292	Chứng quyền. PDR.KIS.M. CA.T.12	CPDR 2303	PDR	9	25/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	4:1	19.888	2.468
293	Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.09	CPOW 2302	POW	5	23/11/2023	2.000.000	2.000.000	1.000	2:1	14.333	Không có lãi
294	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.10	CPOW 2303	POW	6	25/12/2023	2.000.000	2.000.000	1.100	2:1	15.333	Không có lãi
295	Chứng quyền. POW.KIS.M. CA.T.11	CPOW 2304	POW	9	25/03/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	2:1	16.333	Không có lãi
296	Chứng quyền. STB.KIS.M. CA.T.30	CSTB 2312	STB	12	24/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.400	5:1	33.333	Không có lãi
297	Chứng quyền. HPG.KIS.M. CA.T.32	CHPG 2315	HPG	12	24/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.400	4:1	27.777	1.120

298	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.34	CHPG 2317	HPG	8	26/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.200	4:1	26.888	486
299	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.35	CHPG 2318	HPG	9	26/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.200	4:1	29.222	235
300	Chứng quyền. HPG.KIS.M.C A.T.36	CHPG 2319	HPG	12	26/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.400	4:1	30.111	457
301	Chứng quyền. STB.KIS.M.C.A .T.32	CSTB 2314	STB	8	26/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	5:1	32.222	Không có lãi
302	Chứng quyền. STB.KIS.M.C.A .T.33	CSTB 2315	STB	9	26/03/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	5:1	34.333	Không có lãi
303	Chứng quyền. STB.KIS.M.C.A .T.34	CSTB 2316	STB	12	26/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	5:1	36.333	Không có lãi
304	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.24	CMSN 2306	MSN	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.200	10:1	79.999	Không có lãi
305	Chứng quyền. MSN.KIS.M.C A.T.25	CMSN 2307	MSN	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.400	10:1	82.999	Không có lãi
306	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.22	CVNM 2305	VNM	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	9,6846:1	71.020	100
307	Chứng quyền. VNM.KIS.M.C A.T.23	CVNM2306	VNM	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	9,6846:1	73.172	Không có lãi
308	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.22	CVIC 2305	VIC	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	8:1	61.111	Không có lãi
309	Chứng quyền. VIC.KIS.M. CA.T.23	CVIC 2306	VIC	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	8:1	62.222	Không có lãi
310	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.21	CVHM2306	VHM	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	8:1	60.666	Không có lãi
311	Chứng quyền. VHM.KIS.M.C A.T.22	CVHM2307	VHM	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	8:1	62.666	Không có lãi
312	Chứng quyền. VRE.KIS.M.C A.T.26	CVRE 2307	VRE	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	5:1	30.333	Không có lãi
313	Chứng quyền. VRE.KIS.M.C A.T.27	CVRE 2308	VRE	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	5:1	31.333	Không có lãi
314	Chứng quyền. NVL.KIS.M.C A.T.19	CNVL 2304	NVL	6	26/12/2023	3.000.000	3.000.000	1.100	4:1	15.555	294
315	Chứng quyền. NVL.KIS.M.C A.T.20	CNVL 2305	NVL	12	26/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	4:1	16.999	Không có lãi
316	Chứng quyền. PDR.KIS.M.C A.T.13	CPDR 2304	PDR	6	26/12/2023	3.000.000	3.000.000	1.100	4:1	17.999	2.183
317	Chứng quyền. PDR.KIS.M.C A.T.14	CPDR 2305	PDR	12	26/06/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	4:1	20.222	1.671
318	Chứng quyền. POW.KIS.M.C A.T.12	CPOW 2305	POW	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.200	2:1	14.999	Không có lãi

319	Chứng quyền, POW.KIS.M.C A.T.13	CPOW 2306	POW	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.400	2:1	15.999	Không có lãi
320	Chứng quyền, HDB.KIS.M.C A.T.20	CHDB 2305	HDB	8	26/02/2024	2.000.000	2.000.000	1.100	3,4815:1	18.471	1.350
321	Chứng quyền, HDB.KIS.M.C A.T.21	CHDB 2306	HDB	12	26/06/2024	2.000.000	2.000.000	1.200	3,4815:1	19.341	1.074
322	Chứng quyền, HPG.KIS.M. CA.T.37	CHPG 2335	HPG	4	05/02/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	27.111	197
323	Chứng quyền, MSN.KIS.M. CA.T.26	CMSN 2314	MSN	4	05/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	10:1	78.999	Không có lãi
324	Chứng quyền, POW.KIS.M. CA.T.14	CPOW 2312	POW	4	05/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	2:1	12.222	Không có lãi
325	Chứng quyền, STB.KIS.M. CA.T.35	CSTB 2329	STB	4	05/02/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	31.888	Không có lãi
326	Chứng quyền, VHM.KIS.M. CA.T.23	CVHM2314	VHM	4	05/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	8:1	48.888	Không có lãi
327	Chứng quyền, VIC.KIS.M. CA.T.24	CVIC 2310	VIC	4	05/02/2024	5.000.000	5.000.000	1.000	8:1	49.999	Không có lãi
328	Chứng quyền, VNM.KIS.M. CA.T.24	CVNM2312	VNM	4	05/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	9,9265:1	79.411	Không có lãi
329	Chứng quyền, VRE.KIS.M. CA.T.28	CVRE 2316	VRE	4	05/02/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	4:1	28.999	Không có lãi
330	Chứng quyền, SHB.KIS.M. CA.T.01	CSHB 2301	SHB	4	05/02/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	2:1	11.333	259
331	Chứng quyền, VIC.KIS.M. CA.T.25	CVIC 2311	VIC	5	04/03/2024	5.000.000	5.000.000	1.100	8:1	51.999	Không có lãi
332	Chứng quyền, MBB.KIS.M. CA.T.08	CMBB 2316	MBB	7	06/05/2024	1.700.000	1.700.000	1.000	10:1	17.999	437
333	Chứng quyền, MWG.KIS.M. CA.T.05	CMWG 2315	MWG	7	06/05/2024	1.300.000	1.300.000	1.000	20:1	48.888	279
334	Chứng quyền, TPB.KIS.M. CA.T.05	CTPB 2304	TPB	7	06/05/2024	2.500.000	2.500.000	1.000	4:1	18.888	Không có lãi
335	Chứng quyền, VPB.KIS.M. CA.T.08	CVPB 2316	VPB	7	06/05/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	4,7658:1	22.357	Không có lãi
336	Chứng quyền, HPG.KIS.M. CA.T.38	CHPG 2336	HPG	7	06/05/2024	8.000.000	8.000.000	1.100	4:1	28.111	110
337	Chứng quyền, MSN.KIS.M. CA.T.27	CMSN 2315	MSN	7	06/05/2024	3.000.000	3.000.000	1.200	10:1	81.999	Không có lãi
338	Chứng quyền, STB.KIS.M. CA.T.36	CSTB 2330	STB	7	06/05/2024	8.000.000	8.000.000	1.100	4:1	33.999	Không có lãi

339	Chứng quyền, VHM.KIS.M. CA.T.24	CVHM2315	VHM	7	06/05/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	8:1	50.888	Không có lãi
340	Chứng quyền, VNM.KIS.M. CA.T.25	CVNM2313	VNM	7	06/05/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	9,7998:1	82.298	Không có lãi
341	Chứng quyền, VRE.KIS.M. CA.T.29	CVRE 2317	VRE	7	06/05/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	4:1	29.999	Không có lãi
342	Chứng quyền, SHB.KIS.M. CA.T.02	CSHB 2302	SHB	7	06/05/2024	8.000.000	8.000.000	1.000	2:1	11.999	Không có lãi
343	Chứng quyền, SHB.KIS.M. CA.T.03	CSHB 2303	SHB	9	04/07/2024	8.000.000	4.000.000	1.100	2:1	12.345	Không có lãi
344	Chứng quyền, HPG.KIS.M. CA.T.39	CHPG 2337	HPG	9	05/07/2024	4.000.000	4.000.000	1.300	3,6358:1	26.965	439
345	Chứng quyền, STB.KIS.M. CA.T.37	CSTB 2331	STB	9	05/07/2024	4.000.000	3.000.000	1.100	5:1	34.999	Không có lãi
346	Chứng quyền, POW.KIS.M. CA.T.15	CPOW 2313	POW	9	05/07/2024	3.000.000	4.000.000	1.300	2:1	12.888	926
347	Chứng quyền, VIC.KIS.M. CA.T.26	CVIC 2312	VIC	9	05/07/2024	4.000.000	3.000.000	1.100	10:1	52.345	Không có lãi
348	Chứng quyền, VHM.KIS.M. CA.T.25	CVHM2316	VHM	9	05/07/2024	3.000.000	3.000.000	1.300	8:1	51.234	Không có lãi
349	Chứng quyền, VRE.KIS.M. CA.T.30	CVRE 2318	VRE	9	05/07/2024	3.000.000	2.000.000	1.300	4:1	30.999	Không có lãi
350	Chứng quyền, VPB.KIS.M. CA.T.09	CVPB 2317	VPB	9	05/07/2024	2.000.000	3.000.000	1.100	3,62:1	21.720	Không có lãi
351	Chứng quyền, TPB.KIS.M. CA.T.06	CTPB 2305	TPB	9	05/07/2024	3.000.000	3.000.000	1.100	3,8922:1	18.812	Không có lãi
352	Chứng quyền, SHB.KIS.M. CA.T.04	CSHB 2304	SHB	9	05/07/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	5:1	11.666	Không có lãi
353	Chứng quyền, STB.KIS. M.CA.T.31	CSTB 2313	STB	15	23/09/2024	3.000.000	3.000.000	1.500	5:1	35.555	Không có lãi
354	Chứng quyền, HPG.KIS. M.CA.T.33	CHPG 2316	HPG	15	23/09/2024	3.000.000	3.000.000	1.500	3,6358:1	26.258	Không có lãi
355	Chứng quyền, HPG.KIS. M.CA.T.40	CHPG 2338	HPG	12	07/10/2024	4.000.000	4.000.000	1.600	3,6358:1	27.267	Không có lãi
356	Chứng quyền, STB.KIS.M. CA.T.38	CSTB 2332	STB	12	07/10/2024	4.000.000	4.000.000	1.300	5:1	35.888	Không có lãi
357	Chứng quyền, MSN.KIS. M.CA.T.28	CMSN 2316	MSN	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	2.000	10:1	83.979	Không có lãi
358	Chứng quyền, POW.KIS. M.CA.T.16	CPOW 2314	POW	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	1.600	2:1	13.111	Không có lãi

359	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.27	CVIC 2313	VIC	12	07/10/2024	4.000.000	4.000.000	1.300	10:1	53.456	Không có lãi
360	Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.26	CVHM2317	VHM	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	1.500	8:1	52.345	Không có lãi
361	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.31	CVRE 2319	VRE	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	1.600	4:1	31.777	Không có lãi
362	Chứng quyền. VNM.KIS. M.CA.T.26	CVNM2314	VNM	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	1.600	7,5817:1	82.345	Không có lãi
363	Chứng quyền. VPB.KIS. M.CA.T.10	CVPB 2318	VPB	12	07/10/2024	2.000.000	2.000.000	1.300	3,6260:1	22.233	Không có lãi
364	Chứng quyền. TPB.KIS. M.CA.T.07	CTPB 2306	TPB	12	07/10/2024	2.000.000	2.000.000	2.500	1,6235:1	16.144	718
365	Chứng quyền. SHB.KIS. M.CA.T.05	CSHB 2305	SHB	12	07/10/2024	3.000.000	3.000.000	1.000	4,7890:1	12.025	Không có lãi
366	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.41	CHPG 2339	HPG	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	4.100	1,8179:1	27.470	Không có lãi
367	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.39	CSTB 2333	STB	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	4.600	2:1	36.111	470
368	Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.29	CMSN 2317	MSN	15	06/01/2025	2.000.000	2.000.000	2.900	8:1	86.868	Không có lãi
369	Chứng quyền. POW.KIS. M.CA.T.17	CPOW 2315	POW	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	1.800	2:1	13.456	Không có lãi
370	Chứng quyền. VIC.KIS. M.CA.T.28	CVIC 2314	VIC	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	2.900	5:1	54.567	Không có lãi
371	Chứng quyền. VHM.KIS. M.CA.T.27	CVHM2318	VHM	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	2.800	5:1	53.456	Không có lãi
372	Chứng quyền. VRE.KIS. M.CA.T.32	CVRE 2320	VRE	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	3.500	2:1	32.333	Không có lãi
373	Chứng quyền. HPG.KIS. M.CA.T.41	CHPG 2339	HPG	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	4.100	1,8179:1	27.470	Không có lãi
374	Chứng quyền. STB.KIS. M.CA.T.39	CSTB 2333	STB	15	06/01/2025	3.000.000	3.000.000	4.600	2:1	36.111	470
375	Chứng quyền. MSN.KIS. M.CA.T.29	CMSN 2317	MSN	15	06/01/2025	2.000.000	2.000.000	2.900	8:1	86.868	Không có lãi
376	Chứng quyền.FPT.KIS. M.CA.T.01	CFPT2406	FPT	4	28/3/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	24,8267:1	147.658	Không có lãi
377	Chứng quyền.TCB.KI S.M.CA.T.01	CTCB2405	TCB	4	28/3/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	5:01	26.868	186
378	Chứng quyền.MBB.KI S.M.CA.T.09	CMBB2408	MBB	4	28/3/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	4,3443:1	24.134	6
379	Chứng quyền.MWG.K IS.M.CA.T.06	CMWG2409	MWG	4	28/3/2025	1.500.000	1.500.000	1.000	10:01	68.888	Không có lãi
380	Chứng quyền.TPB.KIS M.CA.T.08	CTPB2404	TPB	4	28/3/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	4:01	17.888	Không có lãi
381	Chứng quyền.HPG.KI S.M.CA.T.42	CHPG2411	HPG	4	28/3/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	29.999	Không có lãi

382	Chứng quyền STB.KIS M.CA.T.40	CSTB2412	STB	4	28/3/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	38.686	Không có lãi
383	Chứng quyền MSN.KI S.M.CA.T.30	CMSN2407	MSN	4	28/3/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	83.456	Không có lãi
384	Chứng quyền VIC.KIS M.CA.T.29	CVIC2406	VIC	4	28/3/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	5:01	46.888	1.850
385	Chứng quyền VHM.KI S.M.CA.T.28	CVHM2410	VHM	4	28/3/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	5:01	47.999	550
386	Chứng quyền VRE.KI S.M.CA.T.33	CVRE2409	VRE	4	28/3/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	4:01	19.999	Không có lãi
387	Chứng quyền VPB.KI S.M.CA.T.12	CVPB2411	VPB	4	28/3/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	2:01	21.666	Không có lãi
388	Chứng quyền SHB.KI S.M.CA.T.07	CSHB2402	SHB	4	28/3/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	1.8027:1	10.215	1.157
389	Chứng quyền HDB.KI S.M.CA.T.22	CHDB2401	HDB	4	28/3/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	3.3357:1	25.017	Không có lãi
390	Chứng quyền SSB.KIS M.CA.T.01	CSSB2401	SSB	4	28/3/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	19.999	Không có lãi
391	Chứng quyền VJC.KIS M.CA.T.18	CVJC2401	VJC	4	28/3/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	10:01	119.999	Không có lãi
392	Chứng quyền VNM.KI S.M.CA.T.28	CVNM2408	VNM	4	28/3/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	7.9379:1	76.271	Không có lãi
393	Chứng quyền FPT.KIS M.CA.T.02	CFPT2407	FPT	7	30/6/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	24.6161:1	157.246	Không có lãi
394	Chứng quyền TCB.KI S.M.CA.T.02	CTCB2406	TCB	7	30/6/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	5:01	27.979	1.188
395	Chứng quyền MBB.KI S.M.CA.T.10	CMBB2409	MBB	7	30/6/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	4.3443:1	25.099	161
396	Chứng quyền MWG.KI S.M.CA.T.07	CMWG2410	MWG	7	30/6/2025	1.500.000	1.500.000	1.000	10:01	70.777	Không có lãi
397	Chứng quyền TPB.KIS M.CA.T.09	CTPB2405	TPB	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	3.7288:1	17.711	Không có lãi
398	Chứng quyền HPG.KI S.M.CA.T.43	CHPG2412	HPG	7	30/6/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	31.333	Không có lãi
399	Chứng quyền STB.KIS M.CA.T.41	CSTB2413	STB	7	30/6/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	39.679	1.725
400	Chứng quyền MSN.KI S.M.CA.T.31	CMSN2408	MSN	7	30/6/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	85.678	Không có lãi
401	Chứng quyền VIC.KIS M.CA.T.30	CVIC2407	VIC	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	5:01	48.999	9.196
402	Chứng quyền VHM.KI S.M.CA.T.29	CVHM2411	VHM	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	5:01	50.555	5.177
403	Chứng quyền VRE.KI S.M.CA.T.34	CVRE2410	VRE	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	21.888	708
404	Chứng quyền VPB.KI S.M.CA.T.13	CVPB2412	VPB	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	1.9471:1	22.174	Không có lãi
405	Chứng quyền SHB.KI S.M.CA.T.08	CSHB2403	SHB	7	30/6/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	1.8027:1	11.116	1.330

406	Chứng quyền HDB.KI S.M.C.A.T.23	CHDB2502	HDB	4	21/7/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:1	24.444	Không có lãi
407	Chứng quyền HPG.KI S.M.C.A.T.44	CHPG2511	HPG	4	21/7/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	28.888	539
408	Chứng quyền MSN.KI S.M.C.A.T.32	CMSN2505	MSN	4	21/7/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:1	73.333	269
409	Chứng quyền SHB.KI S.M.C.A.T.09	CSHB2502	SHB	4	21/7/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	1,9270:1	11.946	1.170
410	Chứng quyền SSB.KIS M.C.A.T.02	CSSB2501	SSB	4	21/7/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:1	20.678	Không có lãi
411	Chứng quyền STB.KIS M.C.A.T.42	CSTB2507	STB	4	21/7/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:1	39.999	2.068
412	Chứng quyền VHM.KI S.M.C.A.T.30	CVHM2505	VHM	4	21/7/2025	8.000.000	1.700.000	1.000	5:1	49.999	8.172
413	Chứng quyền VIC.KIS M.C.A.T.31	CVIC2504	VIC	4	21/7/2025	8.000.000	1.200.000	1.000	5:1	54.444	12.431
414	Chứng quyền VJC.KIS M.C.A.T.19	CVJC2502	VJC	4	21/7/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	10:1	99.999	Không có lãi
415	Chứng quyền VNM.KI S.M.C.A.T.29	CVNM2506	VNM	4	21/7/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	7,7265:1	63.314	Không có lãi
416	Chứng quyền VPB.KI S.M.C.A.T.14	CVPB2507	VPB	4	21/7/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	1,9471:1	20.119	437
417	Chứng quyền VRE.KI S.M.C.A.T.35	CVRE2506	VRE	4	21/7/2025	8.000.000	2.300.000	1.000	4:1	18.999	2.490
418	Chứng quyền HDB.KI S.M.C.A.T.24	CHDB2503	HDB	6	19/9/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	4:01	25.555	1.394
419	Chứng quyền HPG.KI S.M.C.A.T.45	CHPG2512	HPG	6	19/9/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	3,3309:1	24.888	1.454
420	Chứng quyền MSN.KI S.M.C.A.T.33	CMSN2506	MSN	6	19/9/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	75.555	1.035
421	Chứng quyền SHB.KI S.M.C.A.T.10	CSHB2503	SHB	6	19/9/2025	5.000.000	5.000.000	1.000	1,7052:1	10.912	4.092
422	Chứng quyền SSB.KIS M.C.A.T.03	CSSB2502	SSB	6	19/9/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	4:01	21.234	Không có lãi
423	Chứng quyền STB.KIS M.C.A.T.43	CSTB2508	STB	6	19/9/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	40.999	3.785
424	Chứng quyền VHM.KI S.M.C.A.T.31	CVHM2506	VHM	6	19/9/2025	6.000.000	1.000.000	1.000	5:01	51.111	10.542
425	Chứng quyền VIC.KIS M.C.A.T.32	CVIC2505	VIC	6	19/9/2025	6.000.000	1.100.000	1.000	5:01	55.555	16.837
426	Chứng quyền VJC.KIS M.C.A.T.20	CVJC2503	VJC	6	19/9/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	10:01	109.999	3.308
427	Chứng quyền VNM.KI S.M.C.A.T.30	CVNM2507	VNM	6	19/9/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	7,7265:1	65.460	Không có lãi
428	Chứng quyền VPB.KI S.M.C.A.T.15	CVPB2508	VPB	6	19/9/2025	5.000.000	5.000.000	1.000	1,9471:1	21.093	5.258
429	Chứng quyền VRE.KI S.M.C.A.T.36	CVRE2507	VRE	6	19/9/2025	6.000.000	700.000	1.000	4:01	19.888	2.648
430	Chứng quyền HPG.KI S.M.C.A.T.46	CHPG2513	HPG	7	20/10/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	3,3309:1	25.721	795

431	Chứng quyền.MSN.KI S.M.C.A.T.34	CMSN2507	MSN	7	20/10/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	77.999	724
432	Chứng quyền.STB.KIS M.C.A.T.44	CSTB2509	STB	7	20/10/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	42.999	4.255
433	Chứng quyền.VHM.KI S.M.C.A.T.32	CVHM2507	VHM	7	20/10/2025	6.000.000	1.100.000	1.000	5:01	53.333	13.861
434	Chứng quyền.VIC.KIS M.C.A.T.33	CVIC2506	VIC	7	20/10/2025	6.000.000	700.000	1.000	5:01	57.777	30.201
435	Chứng quyền.VRE.KI S.M.C.A.T.37	CVRE2508	VRE	7	20/10/2025	6.000.000	700.000	1.000	4:01	20.888	5.381
436	Chứng quyền.FPT.KIS M.C.A.T.03	CFPT2509	FPT	8	19/11/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	21.5616:1	120.744	Không có lãi
437	Chứng quyền.HDB.KI S.M.C.A.T.25	CHDB2504	HDB	8	19/11/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	26.666	849
438	Chứng quyền.HPG.KI S.M.C.A.T.47	CHPG2514	HPG	8	19/11/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	3.3309:1	26.369	204
439	Chứng quyền.MSN.KI S.M.C.A.T.35	CMSN2508	MSN	8	19/11/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	79.777	Không có lãi
440	Chứng quyền.MWG.KIS M.C.A.T.08	CMWG2507	MWG	8	19/11/2025	1.500.000	1.500.000	1.000	9.8582:1	65.720	1.599
441	Chứng quyền.SHB.KI S.M.C.A.T.11	CSHB2504	SHB	8	19/11/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	1.7052:1	11.424	2.930
442	Chứng quyền.SSB.KIS M.C.A.T.04	CSSB2503	SSB	8	19/11/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	22.345	Không có lãi
443	Chứng quyền.STB.KIS M.C.A.T.45	CSTB2510	STB	8	19/11/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	43.999	1.288
444	Chứng quyền.VHM.KI S.M.C.A.T.33	CVHM2508	VHM	8	19/11/2025	6.000.000	4.100.000	1.000	5:01	54.444	8.039
445	Chứng quyền.VIC.KIS M.C.A.T.34	CVIC2507	VIC	8	19/11/2025	6.000.000	700.000	1.000	5:01	58.888	31.038
446	Chứng quyền.VNM.KI S.M.C.A.T.31	CVNM2508	VNM	8	19/11/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	7.3863:1	64.630	Không có lãi
447	Chứng quyền.VPB.KI S.M.C.A.T.16	CVPB2509	VPB	8	19/11/2025	6.000.000	6.000.000	1.100	1.9471:1	22.066	3.094
448	Chứng quyền.VRE.KI S.M.C.A.T.38	CVRE2509	VRE	8	19/11/2025	6.000.000	1.100.000	1.000	4:01	21.555	2.681
449	Chứng quyền.HPG.KI S.M.C.A.T.50	CHPG2526	HPG	5	3/12/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	4:01	27.111	Không có lãi
450	Chứng quyền.MSN.KI S.M.C.A.T.38	CMSN2517	MSN	5	3/12/2025	6.000.000	6.000.000	1.000	10:01	86.688	Không có lãi
451	Chứng quyền.SHB.KI S.M.C.A.T.13	CSHB2507	SHB	5	3/12/2025	4.000.000	1.976.800	1.000	1.7698:1	12.978	2.183
452	Chứng quyền.SSB.KIS M.C.A.T.06	CSSB2505	SSB	5	3/12/2025	3.000.000	3.000.000	1.000	2:01	20.222	Không có lãi
453	Chứng quyền.STB.KIS M.C.A.T.48	CSTB2522	STB	5	3/12/2025	5.000.000	5.000.000	1.000	5:01	54.567	Không có lãi
454	Chứng quyền.TCB.KI S.M.C.A.T.03	CTCB2513	TCB	5	3/12/2025	1.000.000	1.000.000	1.100	5:01	41.888	Không có lãi
455	Chứng quyền.VHM.KI S.M.C.A.T.35	CVHM2517	VHM	5	3/12/2025	4.000.000	523.800	1.100	5:01	88.888	3.022

456	Chứng quyền VIC.KIS M.C.A.T.36	CVIC2510	VIC	5	3/12/2025	4.000.000	1.132.400	1.100	8:01	109.999	18.708
457	Chứng quyền VJC.KIS M.C.A.T.21	CVJC2504	VJC	5	3/12/2025	4.000.000	1.036.900	1.000	20:01	97.979	5.452
458	Chứng quyền VNM.KI S.M.C.A.T.33	CVNM2516	VNM	5	3/12/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	7,6478:1	61.181	335
459	Chứng quyền VPB.KI S.M.C.A.T.18	CVPB2517	VPB	5	3/12/2025	4.000.000	542.100	1.000	4:01	19.999	2.278
460	Chứng quyền VRE.KI S.M.C.A.T.40	CVRE2517	VRE	5	3/12/2025	3.000.000	300.100	1.100	2:01	27.999	3.156
461	Chứng quyền LPB.KIS M.C.A.T.01	CLPB2504	LPB	5	3/12/2025	4.000.000	400.100	1.100	4:01	35.656	3.231
462	Chứng quyền VIB.KIS M.C.A.T.01	CVIB2509	VIB	5	3/12/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	3,513:1	18.388	26
463	Chứng quyền HPG.KI S.M.C.A.T.48	CHPG2515	HPG	9	19/12/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	3,3309:1	26.832	Không có lãi
464	Chứng quyền MSN.KI S.M.C.A.T.36	CMSN2509	MSN	9	19/12/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	81.999	Không có lãi
465	Chứng quyền STB.KIS M.C.A.T.46	CSTB2511	STB	9	19/12/2025	8.000.000	8.000.000	1.000	4:01	44.999	503
466	Chứng quyền VHM.KI S.M.C.A.T.34	CVHM2509	VHM	9	19/12/2025	4.000.000	600.000	1.000	5:01	56.666	7.523
467	Chứng quyền VIC.KIS M.C.A.T.35	CVIC2508	VIC	9	19/12/2025	4.000.000	700.000	1.000	2,500:1	30.500	45.032
468	Chứng quyền VRE.KI S.M.C.A.T.39	CVRE2510	VRE	9	19/12/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	22.111	1.772
469	Chứng quyền FPT.KIS M.C.A.T.05	CFPT2522	FPT	4	25/12/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	24,7425:1	115.586	Không có lãi
470	Chứng quyền SHB.KI S.M.C.A.T.17	CSHB2512	SHB	4	25/12/2025	4.000.000	4.000.000	1.000	2:01	20.345	Không có lãi
471	Chứng quyền TCB.KI S.M.C.A.T.04	CTCB2515	TCB	4	25/12/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	4,871:1	44.812	Không có lãi
472	Chứng quyền TPB.KIS M.C.A.T.11	CTPB2508	TPB	4	25/12/2025	1.000.000	1.000.000	1.000	1,9063:1	24.210	Không có lãi
473	Chứng quyền LPB.KIS M.C.A.T.02	CLPB2505	LPB	6	5/1/2026	4.000.000	516.600	1.100	4:01	36.688	1.278
474	Chứng quyền FPT.KIS M.C.A.T.04	CFPT2510	FPT	11	23/2/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	21,3395:1	131.451	Không có lãi
475	Chứng quyền HDB.KI S.M.C.A.T.26	CHDB2505	HDB	11	23/2/2026	2.000.000	2.000.000	1.000	3,0841:1	21.417	1.969
476	Chứng quyền HPG.KI S.M.C.A.T.49	CHPG2516	HPG	11	23/2/2026	8.000.000	8.000.000	1.000	3,3309:1	27.572	Không có lãi
477	Chứng quyền MSN.KI S.M.C.A.T.37	CMSN2510	MSN	11	23/2/2026	8.000.000	8.000.000	1.000	10:01	83.399	Không có lãi
478	Chứng quyền MWG.KI S.M.C.A.T.09	CMWG2508	MWG	11	23/2/2026	1.500.000	1.500.000	1.000	9,8582:1	71.964	1.955
479	Chứng quyền SHB.KI S.M.C.A.T.12	CSHB2505	SHB	11	23/2/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	1,7052:1	11.765	2.108
480	Chứng quyền SSB.KIS M.C.A.T.05	CSSB2504	SSB	11	23/2/2026	2.000.000	2.000.000	1.000	4:01	23.123	Không có lãi

481	Chứng quyền, STB.KIS S.M.C.A.T.47	CSTB2512	STB	11	23/2/2026	8.000.000	8.000.000	1.100	4:01	45.999	3.730
482	Chứng quyền, VNM.KI S.M.C.A.T.32	CVNM2509	VNM	11	23/2/2026	2.000.000	2.000.000	1.000	7,3863:1	66.476	358
483	Chứng quyền, VPB.KI S.M.C.A.T.17	CVPB2510	VPB	11	23/2/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	1,9471:1	23.04	2.362
484	Chứng quyền, SHB.KI S.M.C.A.T.14	CSTB2508	SHB	7	3/2/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	1,7698:1	13.174	1.569
485	Chứng quyền, SSB.KIS M.C.A.T.07	CSSB2506	SSB	7	3/2/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	2:01	20.555	Không có lãi
486	Chứng quyền, VNM.KI S.M.C.A.T.34	CVNM2517	VNM	7	3/2/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	9,5597:1	63.943	627
487	Chứng quyền, VPB.KI S.M.C.A.T.19	CVPB2518	VPB	7	3/2/2026	4.000.000	435.600	1.000	4:01	20.999	1.690
488	Chứng quyền, LPB.KIS M.C.A.T.03	CLPB2506	LPB	7	3/2/2026	4.000.000	425.500	1.100	5:01	37.399	894
489	Chứng quyền, TPB.KIS M.C.A.T.10	CTPB2505	TPB	8	3/3/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	3,8127:1	14.944	867
490	Chứng quyền, VJC.KIS M.C.A.T.22	CVJC2505	VJC	8	3/3/2026	5.000.000	1.928.300	1.000	20:01	106.868	3.541
491	Chứng quyền, LPB.KIS M.C.A.T.04	CLPB2507	LPB	8	3/3/2026	4.000.000	493.400	1.100	5:01	37.979	924
492	Chứng quyền, VIB.KIS M.C.A.T.02	CVIB2510	VIB	8	3/3/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	3,513:1	19.223	Không có lãi
493	Chứng quyền, FPT.KIS M.C.A.T.06	CFPT2523	FPT	7	25/3/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	24,7425:1	116.586	Không có lãi
494	Chứng quyền, SHB.KI S.M.C.A.T.18	CSTB2513	SHB	7	25/3/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	2:01	20.567	Không có lãi
495	Chứng quyền, TCB.KI S.M.C.A.T.05	CTCB2516	TCB	7	25/3/2026	1.000.000	1.000.000	1.000	4,8710:1	45.202	Không có lãi
496	Chứng quyền, TPB.KIS M.C.A.T.12	CTPB2509	TPB	7	25/3/2026	1.000.000	1.000.000	1.100	1,9063:1	24.591	Không có lãi
497	Chứng quyền, VRE.KI S.M.C.A.T.44	CVRE2523	VRE	7	25/3/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	4:01	34.999	Không có lãi
498	Chứng quyền, SHB.KI S.M.C.A.T.15	CSTB2509	SHB	9	3/4/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	1,7460:1	13.289	1.028
499	Chứng quyền, SSB.KIS M.C.A.T.08	CSSB2507	SSB	9	3/4/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	4:01	20.999	Không có lãi
500	Chứng quyền, VNM.KI S.M.C.A.T.35	CVNM2518	VNM	9	3/4/2026	4.000.000	4.000.000	1.000	9,5597:1	65.112	Không có lãi
501	Chứng quyền, VPB.KI S.M.C.A.T.20	CVPB2519	VPB	9	3/4/2026	4.000.000	640.300	1.000	4:01	21.888	1.143
502	Chứng quyền, LPB.KIS M.C.A.T.05	CLPB2508	LPB	9	3/4/2026	4.000.000	1.096.600	1.100	8:01	38.688	410
503	Chứng quyền, HPG.KI S.M.C.A.T.51	CHPG2527	HPG	10	4/5/2026	5.000.000	5.000.000	1.000	4:01	27.444	109
504	Chứng quyền, MSN.KI S.M.C.A.T.39	CMSN2518	MSN	10	4/5/2026	5.000.000	5.000.000	1.100	10:01	89.999	Không có lãi
505	Chứng quyền, SHB.KI S.M.C.A.T.16	CSTB2510	SHB	10	4/5/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	1,7460:1	13.482	726

506	Chứng quyền SSB.KIS M.C.A.T.09	CSSB2508	SSB	10	4/5/2026	3.000.000	3.000.000	1.000	4:01	21.666	Không có lãi
507	Chứng quyền STB.KIS M.C.A.T.49	CSTB2523	STB	10	4/5/2026	5.000.000	5.000.000	1.100	8:01	56.868	1.202
508	Chứng quyền VHM.KI S.M.C.A.T.36	CVHM2518	VHM	10	4/5/2026	4.000.000	1.814.800	1.100	8:01	90.999	7.063
509	Chứng quyền VIC.KIS M.C.A.T.37	CVIC2511	VIC	10	4/5/2026	4.000.000	2.736.700	1.100	4:01	56.990	39.418
510	Chứng quyền VNM.KI S.M.C.A.T.36	CVNM2519	VNM	10	4/5/2026	4.000.000	4.000.000	1.100	9,5597:1	65.961	Không có lãi
511	Chứng quyền VPB.KI S.M.C.A.T.21	CVPB2520	VPB	10	4/5/2026	4.000.000	960.500	1.000	4:01	22.222	1.230
512	Chứng quyền VRE.KI S.M.C.A.T.41	CVRE2518	VRE	10	4/5/2026	3.000.000	485.100	1.100	4:01	28.999	295

Tình hình thanh toán chứng quyền của Công ty: Tất cả các chứng quyền đã đáo hạn và có lãi do Công ty phát hành đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà đầu tư theo quy định của Cơ quan Nhà nước. Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đối với trường hợp chào bán sản phẩm tài chính là chứng quyền có bảo đảm.

3. Tình hình tài chính (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty).

- Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định.
- Tổng dư nợ vay giao dịch ký quỹ: 11.104.600.990.120 đồng.
- Tổng giá trị các khoản cho vay: 11.567.191.499.988 đồng (bao gồm cả khoản cho vay giao dịch ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng).
- Bảng phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tại thời điểm báo cáo như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	11.525.727.185.767	8.530.990.815.885
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	41.464.314.221	171.447.059.821
Dự phòng đã lập	(41.464.314.221)	(171.447.059.821)
Giá trị thuần	11.525.727.185.767	8.530.990.815.885

- Tổng nợ phải trả: 9.327.848.626.372 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.549.693.040.000 đồng.
- Tổng nguồn vốn: 16.437.824.452.396 đồng.
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về an toàn tài chính		
- Giá trị vốn khả dụng (đồng)	5.168.157.667.959	6.471.392.405.639
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng)	901.725.791.487	735.456.906.242
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	573 %	879,91%
Giá trị vốn khả dụng Tổng rủi ro		
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	170,6%	174,2%
- Hệ số thanh toán nhanh:	170,6%	174,2%
TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn		
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	57,2%	56,7%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	133,7%	131,2%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	18,7%	20,1%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,8%	8,04%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,4%	3,48%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	34,4%	34,7%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	1.198	1.515

(Nguồn: Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

- Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VRE.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Vincom Retail.
- Loại chứng quyền: Chứng quyền mua.
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- Phương thức thanh toán thực hiện quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền.
- Thời hạn: 7 tháng.
- Ngày phát hành dự kiến: Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trước ngày đáo hạn 02 ngày giao dịch.
- Ngày đáo hạn dự kiến: 7 tháng kể từ ngày chào bán.

- Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1.
- Giá thực hiện: Trong biên độ bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành.
- Khoảng giá chào bán dự kiến: 1.000 - 1.100 đồng/chứng quyền, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: 4.000.000 chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán: 4.400.000.000 đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 2.200.000.000 đồng.
- Công ty áp dụng mô hình Black-Scholes để có giá chào bán của chứng quyền:

$$C = \frac{N(d_1) \times S - N(d_2) \times X \times e^{-rT}}{k}$$

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá chào bán của chứng quyền mua (đồng);

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền (đồng);

S: Giá chứng khoán cơ sở (đồng);

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm, là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/ 365;

r: Lãi suất phi rủi ro tính theo năm, là lãi suất trái phiếu chính phủ (%);

σ : Độ biến động kỳ vọng tính theo năm của giá chứng khoán cơ sở (%);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

- Các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes tại ngày tính toán 11/05/2026:

Tham số	Giá trị
Giá chứng khoán cơ sở (S) (đồng)	33.600
Giá thực hiện (X) (đồng)	Trong biên độ bằng hoặc cao hơn không quá 20% so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày thông báo phát hành, giá cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành.
Thời hạn của chứng quyền (T)	0,58

Lãi suất phi rủi ro (r)	2,3501%
Độ biến động kỳ vọng thấp nhất (σ) (do TCPH xác định)	56,26%
Độ biến động kỳ vọng cao nhất (σ) (do TCPH xác định)	73,89%
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	5

- Giải thích các tham số định giá chào bán chứng quyền trong mô hình Black-Scholes:
- + Giá chứng khoán cơ sở (S): Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.
- + Giá thực hiện (X): Là mức giá tương đương việc nhà đầu tư được quyền mua chứng khoán cơ sở khi chứng quyền đáo hạn.
- + Thời hạn của chứng quyền (T): Được tính dựa trên thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm. Ví dụ Chứng quyền.HPG.KIS.M.CA.T.01 được chào bán vào ngày 11/06/2019 và đáo hạn vào ngày 11/12/2019, 2 thời điểm này cách nhau 183 ngày và $T = 183/365 \approx 0,5$.
- + Lãi suất phi rủi ro (r): Là lợi suất gần nhất của Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 2 năm tại ngày tính toán (Nguồn: website Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
- + Độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất (σ): Độ biến động kỳ vọng được ước tính dựa trên độ lệch chuẩn (độ biến động lịch sử) của tỷ suất sinh lợi theo ngày của giá chứng khoán cơ sở trong vòng 1 năm gần nhất tính đến ngày tính toán. Dựa trên ước tính về độ biến động kỳ vọng thấp nhất và cao nhất, Công ty đưa ra mức giá chào bán thấp nhất và cao nhất tương ứng với từng mức biến động. Công thức tính độ biến động lịch sử của tỷ suất sinh lợi của giá chứng khoán cơ sở như sau:

$$r_i = \ln\left(\frac{P_{i+1}}{P_i}\right)$$

$$m = \frac{\sum_{i=1}^n r_i}{n}$$

$$a = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (r_i - m)^2}{n - 1}}$$

$$\sigma_{his} = a\sqrt{t}$$

Trong đó:

P_i : Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm i ;

n : Số lượng các thời điểm lấy dữ liệu;

t : Số ngày giao dịch trong năm, Công ty áp dụng $t = 250$;

σ_{his} : Độ biến động lịch sử trong thời kỳ t .

- + Tỷ lệ chuyển đổi (k): Ví dụ tỷ lệ chuyển đổi là 2:1 ($k = 2$), nghĩa là 2 chứng quyền tương đương với 1 chứng khoán cơ sở.

Thông tin về các đợt phát hành bổ sung của mã Chứng quyền.VRE.KIS.7M.47.
Không có (đây là đợt phát hành đầu tiên).

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VRE.
- Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Vincom Retail.
- Lĩnh vực hoạt động chính: Đầu tư và phát triển các trung tâm thương mại....
- Ngày niêm yết: 06/11/2017.
- Nơi niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu (đơn vị: triệu đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm	Quý 1/2026
Tổng giá trị tài sản	55.226.155	61.279.149	11,0%	60.962.946
Vốn chủ sở hữu	41.922.641	48.368.203	15,4%	49.974.460
Doanh thu thuần	8.939.117	8.837.380	-1,1%	2.293.618
Thuế và các khoản phải nộp	1.037.549	1.637.254	57,8%	393.221
Lợi nhuận trước thuế	5.133.329	8.083.178	57,5%	1.999.478
Lợi nhuận sau thuế	4.095.780	6.445.924	57,4%	1.606.257
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,8%	13,3%	35,7%	3,2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính của VRE, HOSE)

- Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,1	1,5
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,0	1,5
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	24,1%	21,1%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	31,7%	26,7%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	45,8%	72,9%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,8%	13,3%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,4%	10,5%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	52,8%	85,8%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	1.803	2.837

(Nguồn: Báo cáo tài chính của VRE, HOSE)

- Thông tin giao dịch (tính đến ngày 11/05/2026) (Nguồn: HOSE):
- + Giá trị vốn hóa: 76.350 tỷ đồng.
- + Khối lượng khớp lệnh trung bình trong 6 tháng gần nhất: 9.007.984 cổ phiếu/phiên.
- + Giá điều chỉnh cao nhất trong 26 tuần: 38.550 đồng.
- + Giá điều chỉnh thấp nhất trong 26 tuần: 24.050 đồng.

- + Chỉ số giá/thu nhập (P/E): 11,1.
- + Giá đóng cửa điều chỉnh của ngày giao dịch cuối cùng của 6 tháng gần nhất:

Tháng	11/2025	12/2025	01/2026	02/2026	03/2026	04/2026
Giá (nghìn đồng)	34,25	33,65	30,20	29,05	25,75	32,30

- Thông tin khác: Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE) không ghi nhận vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán kể từ tháng 01/06/2025 đến hết ngày 11/05/2026
- Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm.

Dự kiến tối thiểu ba (03) ngày làm việc, thời gian cụ thể được thông báo trong Thông báo phát hành, sau khi người mua Chứng quyền có bảo đảm tiếp cận Bản cáo bạch.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

Thời hạn đăng ký mua.

Công ty sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành Chứng quyền có bảo đảm sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Cách thức đăng ký mua Chứng quyền.

Địa điểm đăng ký: Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam và/hoặc kênh online bao gồm nhưng không giới hạn website, ứng dụng của Công ty.

Số lượng đăng ký mua cho mỗi nhà đầu tư: dự kiến tối thiểu 100 chứng quyền đến tối đa 10.000 chứng quyền phân phối cho mỗi nhà đầu tư đăng ký mua, và là bội số của 100. Thông báo chi tiết sẽ được công bố theo Thông báo phát hành.

Phương thức thanh toán.

Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền.

Nguyên tắc giá phân phối

Giá phân phối chứng quyền sẽ là mức giá duy nhất được Công ty thông báo tại Thông báo phát hành sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền.

- Thông báo kết quả dự kiến về việc phân phối chứng quyền: Sau khi kết thúc thời hạn phân phối chứng quyền, Công ty gửi thông báo tới nhà đầu tư thông qua tin nhắn (SMS) hoặc thư điện tử (email).

- Kết quả phân phối chứng quyền chính thức: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ trực tiếp vào tài khoản của Nhà đầu tư.

Trường hợp chứng quyền chưa được phân phối hết.

Khi tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành sẽ chuyển số chứng quyền còn lại chưa phân phối vào tài khoản tự doanh,

từ đó tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi chứng quyền được niêm yết.

Trường hợp chứng quyền đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán.

- Khi tổng số chứng quyền do nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ tính như sau:

$$\text{Số chứng quyền nhà đầu tư nhận được} = \text{Số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

- Số lượng chứng quyền mà từng nhà đầu tư nhận được sau khi tính theo công thức sẽ được làm tròn và là bội số của 100, tổng số chứng quyền phân phối cho tất cả nhà đầu tư sau khi tính theo công thức không được vượt quá số lượng chứng quyền chào bán.

- Số lượng chứng quyền còn dư sau khi làm tròn sẽ được phân bổ cho nhà đầu tư đăng ký mua sớm nhất và có khối lượng đăng ký mua lớn nhất.

Các trường hợp được xem là đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ.

- Hồ sơ mua chứng quyền thiếu và/hoặc sai thông tin.
- Lệnh thanh toán mua chứng quyền khác với số tiền đăng ký mua trong giấy đăng ký chứng quyền.
- Thời gian ghi nhận lệnh thanh toán vào tài khoản phong tỏa sau thời gian quy định trong Thông báo phát hành.
- Lệnh thanh toán mua chứng quyền vào sai tài khoản phong tỏa.
- Lệnh thanh toán sai nội dung chuyển khoản.
- Nhà đầu tư thực hiện chuyển tiền nhưng không nộp đủ hồ sơ đăng ký mua chứng quyền.

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đăng ký mua chứng quyền cho nhà đầu tư.

Thời hạn: Trong thời gian hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt đăng ký chào bán, các trường hợp đăng ký mua không hợp lệ nêu trên sẽ được hoàn trả tiền về tài khoản của Nhà đầu tư theo tài khoản trong Giấy đăng ký mua chứng quyền.

Hồ sơ đăng ký mua chứng quyền

• Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- + 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm hợp lệ;
- + 01 bản sao Ủy nhiệm chi;
- + 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;
- + 01 Giấy ủy quyền (nếu có);
- + 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC và Hộ chiếu (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);
- + 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);
- + 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

• Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- + 02 bản chính Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm hợp lệ;
- + 01 bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- + 01 bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có);

- + 01 bản sao Ủy nhiệm chỉ;
- + 01 bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật;
- + 01 bản sao hợp lệ Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức;
- + 01 bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);
- + 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho nhà đầu tư nước ngoài);
- + 01 bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản dành cho nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại công ty chứng khoán không phải là Công ty (nếu có).

Thủ tục đăng ký mua chứng quyền

- Bước 1: Nhà đầu tư tìm hiểu đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam và/hoặc kênh online bao gồm nhưng không giới hạn website, ứng dụng của Công ty.
- Bước 2: Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền theo hướng dẫn trên website hay của bộ phận Nghiệp vụ của Công ty.
- Bước 3: Sau khi hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện thanh toán bằng cách chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa theo chỉ tiết như sau:

Tên tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Số tài khoản: 1190901189.

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Nội dung: [tên khách hàng] CQ[mã chứng khoán cơ sở của chứng quyền][2 chữ số cuối cùng trong tên chứng quyền]

Ví dụ: Khách hàng Nguyễn Văn A mua Chứng quyền.MSN.KIS.M.CA.T.12, nội dung chuyển tiền như sau: Nguyễn Văn A CQMSN12.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời hạn phân phối chứng quyền, Công ty sẽ thông báo kết quả dự kiến đăng ký mua của nhà đầu tư thông qua tin nhắn (SMS) hoặc thư điện tử (email).

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm.

- Trong trường hợp đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác có liên quan (nếu có), Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm ra công chúng trong trường hợp hết thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 mà không khắc phục được những thiếu sót dẫn đến việc đình chỉ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng, cụ thể:

+ Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;

+ Việc phân phối chứng khoán không thực hiện đúng quy định tại Điều 26 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, tổ chức phát hành phải công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo

phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và phải thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Hết thời hạn này, tổ chức phát hành phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các điều khoản đã cam kết với nhà đầu tư.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm.

a) Nguyên tắc thực hiện chứng quyền

- Công ty có nghĩa vụ thực hiện chứng quyền theo phương thức thanh toán bằng tiền. Số tiền thanh toán được tính toán dựa trên giá thanh toán và giá thực hiện. Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh tương ứng. Công ty xác định mức giá thanh toán làm căn cứ tính số tiền thanh toán và công bố mức giá này đối với các chứng quyền đang lưu hành vào ngày đáo hạn.

- Nhà đầu tư chỉ được yêu cầu thực hiện quyền đối với chứng quyền có lãi hiện có trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại ngày thực hiện. Chứng quyền trong tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán mà do chính công ty chứng khoán phát hành không được thực hiện.

- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đáo hạn, công ty chứng khoán, thành viên lưu ký, tổ chức phát hành có trách nhiệm phối hợp với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện thanh toán tiền cho nhà đầu tư theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền là ngày làm việc thứ 02 sau ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.

- Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

- Ngày thanh toán thực hiện chứng quyền là ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

- Thông báo thực hiện chứng quyền.

- + Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, Công ty không phải gửi thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ căn cứ vào hồ sơ đăng ký chứng quyền, chủ động thực hiện lập và thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.

- + Trường hợp thực hiện chứng quyền do huỷ niêm yết nhưng chưa đến thời gian đáo hạn, Công ty gửi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam văn bản thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền chậm nhất 01 ngày làm việc sau ngày Sở Giao dịch Chứng khoán ra quyết định hủy niêm yết.

- + Thông báo về giá thanh toán chứng quyền: Trước 14h00 ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện chứng quyền. Trường hợp Công ty chậm thông báo về giá thanh toán chứng quyền, Công ty chịu trách nhiệm đối với rủi ro và thiệt hại phát sinh do gửi giá thanh toán chậm.

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi giá thanh toán lớn hơn giá thực hiện, được tính theo công thức $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ}]$

chuyển đổi]. Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

b) Trình tự thực hiện chứng quyền

- Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Công ty hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (đối với trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi:

- + Văn bản thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền cho Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán và các Thành viên lưu ký có liên quan.

- + Hệ thống đăng ký gửi điện nghiệp vụ MT564 thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền cho các thành viên lưu ký có liên quan.

- Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, Hệ thống đăng ký gửi điện nghiệp vụ MT596 kèm file CSV dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho các Thành viên lưu ký liên quan.

- Thành viên lưu ký có trách nhiệm:

- + Đối chiếu thông tin người sở hữu chứng quyền trong Danh sách do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký đang quản lý.

- + Gửi xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử thông qua điện nghiệp vụ MT595, chậm nhất vào 11h00 ngày làm việc liền sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận thông tin trong Danh sách.

- + Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu về số dư quyền phân bổ trong danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký, Công ty phải gửi văn bản cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để phối hợp điều chỉnh, trong đó nêu rõ các nội dung sai sót hoặc sai lệch. Ngay sau khi điều chỉnh, hệ thống đăng ký gửi lại điện nghiệp vụ MT596 kèm theo file dữ liệu CSV về người sở hữu chứng quyền lưu ký được phân bổ quyền liên quan đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký liên quan.

- + Chậm nhất ngày làm việc thứ 02 sau ngày đăng ký cuối cùng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển Công ty Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền dưới dạng chứng từ điện tử cho Công ty.

- + Công ty phải gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chậm nhất vào ngày làm việc thứ 03 sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nêu rõ lý do.

- + Chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày thanh toán thực hiện chứng quyền, Công ty phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày thanh toán, Công ty phải thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của Công ty, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thông báo cho thành viên lưu ký có liên quan. Công ty chịu mọi trách nhiệm phát sinh nếu không thực hiện chuyển đủ số tiền trong thời gian quy định.

- + Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.

+Trường hợp Công ty thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của Công ty, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi thông báo cho Sở Giao dịch chứng khoán và các thành viên lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền. Đồng thời, hệ thống đăng ký gửi điện nghiệp vụ MT564 thông báo việc hủy đợt chốt danh sách cho các thành viên lưu ký liên quan.

c) Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, hoặc thực hiện chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thì việc bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần và phương án chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản và các quy định về xử lý trường hợp đặc biệt tại Điều 15 Thông tư 107/2016/TT-BTC hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có). Cụ thể:

Trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ thanh toán cho người sở hữu chứng quyền từ các nguồn như sau:

+ Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm có trên tài khoản tự doanh theo phương án phòng ngừa rủi ro nêu tại mục VII của Bản cáo bạch này.

+ Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành phải duy trì tài sản bảo đảm thanh toán là tiền tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, giá trị là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức phát hành hay của bất cứ Bên thứ 3 khác.

+ Bảo lãnh thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm (nếu có).

- Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán thì việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của Luật giải thể, phá sản để giải quyết một phần khoản nợ cho chủ nợ.

- Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản: áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản trong việc thanh toán đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập: áp dụng theo quy định về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền có bảo đảm tại Luật Doanh Nghiệp.

- Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền các biện pháp xử lý đặc biệt tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư 122/2025/TT-BTC được xác định trên cơ sở số lượng chứng quyền sở hữu và giá trị chứng quyền, trong đó giá trị chứng quyền được tính trên cơ sở giá đóng cửa vào ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán, hay giá đóng cửa gần nhất so với ngày xảy ra sự kiện (nếu không thể xác định được giá đóng cửa tại ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán) bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Tổ chức phát hành có thể định giá lý thuyết của chứng quyền mua theo công thức Black Scholes đối với các chứng quyền kiểu Châu Âu.

Giá lý thuyết của chứng quyền mua theo công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền;

S: giá chứng khoán cơ sở hiện tại;

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/ 365;

r_c : lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes:

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

- Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và có các quyền sau đây:

- Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần = Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở $\times$ (Số lượng chứng quyền chia :) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Ví dụ 2: Tương tự các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của chứng khoán cơ sở A do Sở giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là: $155.000 \times (100 : 10) \times 0,1\% = 1.550$ đồng.

- Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật.

Tại ngày hủy niêm yết, đối với chứng quyền đang lưu hành, giá thanh toán xác định theo giá đóng cửa của chứng quyền đó tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi chứng quyền bị hủy niêm yết.

- Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố trong quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán $\times$ Số lượng chứng quyền.

- Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và các quy định về xử lý trường hợp đặc biệt. Trường hợp trước ngày đáo hạn chứng quyền bị hủy niêm yết, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần được xác định như sau:

+ Trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường $\times$ Số lượng chứng quyền.

+ Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá mua lại chứng quyền do tổ chức phát hành công bố. Giá mua lại chứng quyền được xác định theo công thức Black Scholes (tại Điểm 1 Mục VI Bản cáo bạch này) $\times$ Số lượng chứng quyền.

+ Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu A với giá 1.400 đồng/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 đồng.

+ Nếu nhà đầu tư thực hiện bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

+ Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành chứng quyền công bố giá mua lại chứng quyền là 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

- Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

- Công ty phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

+ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của chứng khoán cơ sở.

+ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ $\times$ (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

+ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ $\times$ (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.

- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.

9.1. Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Phí dịch vụ chứng quyền có bảo đảm khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền là mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền tùy theo từng thời điểm áp dụng.

Thêm vào đó, theo quy định hiện hành nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường chứng khoán phải trả các khoản khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Giá dịch vụ giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,018% trên giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ lưu ký Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam: 0,27 đồng/chứng quyền/tháng.

9.2. Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

+ Đối tượng:

Tất cả các nhà đầu tư cá nhân bao gồm cả nhân trong nước và cá nhân nước ngoài có giao dịch chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).

+ Mức thu:

Thuế TNCN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần $\times$ với thuế suất 0,1%.

Trong đó:

+ Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở Giao dịch Chứng khoán $\times$ Số lượng chứng quyền.

+ Trường hợp trước ngày đáo hạn chứng quyền bị hủy niêm yết, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần được xác định như sau:

- Trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường $\times$ Số lượng chứng quyền.

- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực: Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố $\times$ Số lượng chứng quyền.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu A với giá 1.400 đồng/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 10:1, giá thực hiện là 150.000 đồng.

- Nếu nhà đầu tư thực hiện bán chứng quyền mua tại mức giá 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

- Nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và tổ chức phát hành chứng quyền công bố giá thanh toán chứng quyền là 2.000 đồng/chứng quyền thì số thuế phải nộp là $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200$ đồng.

+ Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần = Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở $\times$ (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Ví dụ 2: Tương tự các giả thiết tại Ví dụ 1 nêu trên, giá thanh toán của chứng khoán cơ sở A do Sở giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 155.000 đồng/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền là: $155.000 \times (100 : 10) \times 0,1\% = 1.550$ đồng.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với doanh nghiệp trong nước

- + **Đối tượng:** Nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm.
- + **Mức thu:** Thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm phải được doanh nghiệp kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

c) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài)

- + **Đối tượng:** Tổ chức nước ngoài là nhà thầu nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm (bao gồm cả giao dịch chuyển nhượng chứng quyền, chứng quyền bị hủy niêm yết và thực hiện quyền).
- + **Mức thu:**

Thuế TNDN = Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần $\times$ với thuế suất 0,1%

Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN.

d) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: là thời điểm nhà đầu tư (bao gồm tổ chức, cá nhân) chuyển nhượng chứng quyền trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Theo Quyết định số 68/QĐ-SGDHCM ngày 02/03/2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty có nghĩa vụ tạo lập thị trường nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền của Công ty phát hành, cụ thể:

a) Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Công ty phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất) / giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, Công ty phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

b) Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Công ty không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Công ty được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Công ty được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Công ty được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), Công ty được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...;
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với Công ty. Để quản trị rủi ro hiệu quả, Công ty thực hiện các bước sau:

Bước 1: Nhận diện rủi ro đối với chứng quyền

Các rủi ro thường gặp đối với Công ty khi phát hành chứng quyền:

- Rủi ro thanh toán: Rủi ro khi Công ty không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như Công ty bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện chứng quyền.
- Rủi ro thị trường: Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền và giá của chứng khoán cơ sở.
- Rủi ro pháp lý: Rủi ro khi Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ đăng ký kinh doanh.
- Rủi ro hoạt động: Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ hacker đánh sập hệ thống công nghệ thông tin), nhân viên (lừa đảo, sai sót do cố tình hoặc vô tình), tài sản vốn, các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh...).

Bước 2: Phân tích rủi ro

Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, từng phòng ban liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động. Trên cơ sở đó sẽ phân loại và xếp hạng từng loại rủi ro để có những biện pháp xử lý phù hợp.

- Rủi ro thanh toán: Công ty đã phát hành số lượng lớn chứng quyền có bảo đảm lên thị trường kể từ năm 2019. Công ty luôn thực hiện đúng và đầy đủ việc thanh toán lãi cho nhà đầu tư theo quy định của Cơ quan quản lý. Hơn nữa, Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm và thực hiện đầy đủ hoạt động phòng ngừa rủi ro, báo cáo hằng ngày theo quy định, đảm bảo đủ tỷ lệ cổ phiếu để đảm bảo thanh toán. Vì vậy, mức độ xảy ra rủi ro này là thấp đối với Công ty.

- Rủi ro thị trường: Đây là rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có bảo đảm.

- Rủi ro pháp lý: Đây là rủi ro có thể xảy ra trong trường hợp công ty có những thực hiện không đúng do sơ suất trong hoạt động, chưa cập nhật thay đổi theo quy định hay thiếu ý kiến từ bộ phận Pháp lý của Công ty.

- Rủi ro hoạt động: Đây là rủi ro có thể xảy ra khi công ty xảy ra các vấn đề liên quan đến hệ thống hay do sai phạm về quy trình làm việc của nhân viên trực thuộc phòng ban.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp Công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.

- Rủi ro thanh toán: Công ty đảm bảo các nguồn tài sản dự phòng khác để đảm bảo khả năng thanh toán cho nhà đầu tư. Ngoài ra, Công ty cần phải duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro hợp lý và phù hợp với yêu cầu từ cơ quan quản lý.

- Rủi ro pháp lý: Công ty cần cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật, không ngừng thực hiện rà soát các quy trình và chính sách trước khi được ban hành, đảm bảo luôn tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.

- Rủi ro hoạt động: Công ty xây dựng chặt chẽ quy trình hoạt động, đào tạo đầy đủ nghiệp vụ cho nhân viên, nâng cao nhận thức về rủi ro, phòng ngừa rủi ro, nhằm giảm thiểu đến mức tối đa các rủi ro trong quá trình hoạt động.

Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể luôn được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động khắc phục phù hợp.

Định kỳ, Phòng Quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo Ban điều hành.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

- Mục đích phòng ngừa rủi ro: để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra.

- Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện trên tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành. Hoạt động phòng ngừa rủi ro bao gồm các giao dịch mua, bán, vay và các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật, bảo đảm hạn mức đầu tư chứng khoán cơ sở của tổ chức kinh doanh chứng khoán và bảo đảm các quy định sau:

- Chứng khoán trong giao dịch phòng ngừa rủi ro bao gồm chứng khoán cơ sở và các chứng khoán phát hành dựa trên chứng khoán cơ sở đó phù hợp với quy định pháp luật;
- Chứng khoán dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro không được sử dụng để cầm cố, thế chấp, ký quỹ, cho vay hoặc làm tài sản bảo đảm;
- Công ty có trách nhiệm quản lý, hạch toán độc lập danh mục chứng khoán phòng ngừa rủi ro và đáp ứng yêu cầu về mức độ phòng ngừa rủi ro theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.
- Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:
 - + Phòng Chứng khoán phái sinh trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro theo phương án đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có trách nhiệm báo cáo Ban điều hành và Phòng Quản trị rủi ro về vị thế phòng ngừa rủi ro vào cuối ngày. Ngoài ra, khi xảy ra những sự việc ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro, Phòng Giải pháp phái sinh có trách nhiệm báo cáo Ban điều hành ngay lập tức và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm khắc phục và đưa ra giải pháp cho vấn đề phát sinh.
 - + Nhân sự trực tiếp thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

STT	Họ tên	Phòng ban	Chức chỉ hành nghề	Số năm kinh nghiệm
1	Hoàng Anh Việt	Chứng khoán phái sinh	Quản lý Quỹ số 001692/QLQ	12 năm

- + Phòng Quản trị rủi ro thực hiện giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của Phòng Giải pháp phái sinh nhằm kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra khi phát hành chứng quyền và báo cáo Ban điều hành.
- + Phòng Kiểm soát nội bộ thực hiện việc giám sát việc thực hiện đúng quy trình và đề xuất những giải pháp để hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ.
- + Ban điều hành thực hiện tổ chức, giám sát và hỗ trợ các hoạt động của tất cả phòng ban liên quan đến hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
- Nguyên tắc thực hiện tổng quát: Công ty áp dụng phương án phòng ngừa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, Công ty sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở theo nguyên tắc sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI}/k$$

$$\text{Delta} = N(d_1)$$

P: Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

OI: Số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua được tính dựa trên mô hình Black-Scholes.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:
 - + Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
 - + Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).
- Ví dụ minh họa phương án phòng ngừa rủi ro Delta: Giả sử chứng quyền mua A có giá thực hiện là 33.000 đồng; lãi suất phi rủi ro là 4,3%; tỷ lệ chuyển đổi 2:1; thời gian đáo hạn còn 90 ngày, Công ty nắm giữ chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro theo bảng sau:

Thời gian	Giá chứng khoán cơ sở	Độ biến động	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ	Thay đổi của số lượng chứng khoán cơ sở nắm giữ
9h20	28.300	33%	21,7%	100.000	10.850	-
9h25	28.100	32%	19,6%	110.000	10.780	-70
9h30	28.400	35%	23,9%	90.000	10.755	-25
9h40	28.900	40%	30,5%	120.000	18.300	7.545

- Vị thế phòng ngừa rủi ro

+ Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro.

+ Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở nếu tổ chức phát hành sử dụng các loại chứng khoán phòng ngừa rủi ro khác không phải là chứng khoán cơ sở.

3. Đánh giá rủi ro trong trường hợp hết room cổ phiếu đối với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm là tổ chức nước ngoài

- Dựa trên văn bản số 13385/VSD-LK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tên cũ: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) gửi Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS Việt Nam), tài khoản tự doanh của KIS Việt Nam đã được chuyển đổi từ tài khoản tự doanh trong nước cũ là 057P000001, sang tài khoản tự doanh nước ngoài mới là 057ECB5693 từ ngày 28/09/2018. Do đó, KIS Việt Nam đã nhận diện, đánh giá rủi ro và đưa ra phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền như sau:

+ Nhận diện và đánh giá rủi ro: Rủi ro xảy ra khi room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền. Rủi ro này khiến cho KIS Việt Nam không thể thực hiện phòng ngừa rủi ro khi không thể mua vào cổ phiếu cơ sở của chứng quyền đã phát hành và KIS Việt Nam không thể đáp ứng được quy định về hoạt động phòng ngừa rủi ro hiện hành của cơ quan quản lý và phương án phòng ngừa rủi ro đã được chấp thuận.

+ Kiểm soát rủi ro: Để kiểm soát rủi ro này, KIS Việt Nam lựa chọn cổ phiếu cơ sở như sau:

- Cổ phiếu cơ sở có tỷ lệ (Số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua / Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng) cao hơn 10% vào thời điểm tính toán.
- Cổ phiếu cơ sở không có thông tin sự kiện doanh nghiệp liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trong tương lai gần mà có thể tác động lên room nước ngoài của cổ phiếu cơ sở đó.
- Cổ phiếu cơ sở có số lượng cổ phiếu còn lại nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cao hơn nhiều lần số lượng chứng khoán cơ sở phù hợp với vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết mà KIS Việt Nam phải mua với giá định là khi chứng quyền phát hành trong trạng thái có lãi, kể cả khi hệ số delta của chứng quyền mua là 1, dựa trên công thức đã nêu trong phương án phòng ngừa rủi ro đã gửi cơ quan quản lý.
- Đối với những cổ phiếu thường xuyên xảy ra trường hợp hết room cho nhà đầu tư nước ngoài, KIS Việt Nam đảm bảo đã sở hữu đầy đủ số lượng chứng khoán cơ sở tối đa cần thiết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền đăng ký chào bán, kể cả trong

trường hợp hệ số delta của chứng quyền mua là 1, dựa trên công thức đã nêu trong phương án phòng ngừa rủi ro đã gửi cơ quan quản lý.

- KIS Việt Nam đảm bảo duy trì số lượng chứng khoán cơ sở sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro đáp ứng quy định hiện hành về vị thế phòng ngừa rủi ro của cơ quan quản lý.

+ Phương án xử lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột:

- KIS Việt Nam sẽ gửi công văn giải trình đến các cơ quan quản lý khi xảy ra trường hợp room dành cho nhà đầu tư nước ngoài hết đột ngột ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa rủi ro.
- KIS Việt Nam sẽ nộp tiền vào tài khoản tự doanh dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro tương ứng với số tiền chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và phòng ngừa rủi ro thực tế.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714 Website: www.bidv.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

- Tên tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

- Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3823 0796 Fax: (028) 3823 0796

- Website: www.pwc.com/vn/

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền

Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán, Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa, Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, Tổ chức kiểm toán không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

X. CAM KẾT

Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XI. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CÔNG TY, NGÂN HÀNG LƯU KÝ

TP. Hồ Chí Minh, ngày <u>12</u> tháng <u>5</u> năm <u>2026</u> NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TỔNG GIÁM ĐỐC  <i>[Signature]</i> SHIN HYUN JAE	TP. Hồ Chí Minh, ngày <u>12</u> tháng <u>5</u> năm <u>2026</u> NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ PHÓ GIÁM ĐỐC  <i>[Signature]</i> PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lê Đoàn Nhật Quang</i>
---	---

XII. PHỤ LỤC

- Nghị quyết về việc thông qua thực hiện phát hành chứng quyền có bảo đảm.
- Công văn về việc đánh giá rủi ro trong trường hợp hết room cổ phiếu đối với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm là tổ chức nước ngoài.
- Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán.